

Số: 250/QĐ-HĐTTHPTCT

Cô Tô, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026
tầm nhìn 2031
(Bản điều chỉnh)

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔ TÔ

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định về việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ của cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 Trường THPT Cô Tô;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 đối với các trường trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Tờ trình số 515/TTr-THPTCT ngày 8 tháng 8 năm 2024 của trường THPT Cô Tô;

Xét biên bản Hội đồng trường trường THPT Cô Tô ngày 8/8/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định về chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 (chi tiết chiến lược kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này được Hội đồng trường THPT Cô Tô nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại cuộc họp ngày 8/ 8/2024.

Điều 3. Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường, Lãnh đạo trường (c/d);
- CB, GV, NV (t/h);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Phòng
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CÔ TÔ

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CÔ TÔ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CÔ TÔ GIAI ĐOẠN 2021 -2026 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2031

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 520/QĐ-HĐT THPTCT ngày 14/8/2024
Của Hội đồng trường trường THPT Cô Tô)*

(BẢN ĐIỀU CHỈNH)

CÁC CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
2. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ X, XI và Nghị quyết Đại hội Chi bộ trường THPT Cô Tô nhiệm kỳ 2020 – 2025 hướng tới Nghị quyết đại hội 2025-2030;
3. Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa;
4. Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
5. Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP, ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 127/2018/NĐ-CP, ngày 21/9/2018 của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
6. Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông

tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

7. Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

8. Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

9. Căn cứ Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

10. Căn cứ chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 555-TB/TU, ngày 30/3/2022 về Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nội dung trình Kỳ họp thứ 7 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026: “Cân đối nguồn lực để đầu tư xây dựng tại mỗi huyện, thị xã một trường THPT chất lượng cao, có phương án gộp trường THCS và trường THPT ở những nơi có đủ điều kiện để thực hiện sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trước mắt ưu tiên nguồn lực ở những nơi còn nhiều khó khăn”; chỉ đạo của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 159-TB/BCS, ngày 16/4/2022 của ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về ý kiến kết luận của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 16/4/2022: “Lựa chọn đầu tư xây dựng tại mỗi huyện, thị xã, thành phố một trường THPT, THCS, hoặc liên cấp... đáp ứng yêu cầu giáo dục chất lượng cao, đặc biệt ưu tiên, quan tâm tới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa phương tập trung khu công nghiệp, những địa phương cần hoàn thành mục tiêu nông thôn mới trong năm 2022, các trường học đã cũ, hết niên hạn sử dụng theo quy định”;

11. Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 05/9/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 281/KH-UBND, ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về triển khai Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 05/9/2023 của Tỉnh ủy: “Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục; đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học... thực hiện đúng tiến độ kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung triển khai các dự án xây dựng trường học, đảm bảo tiến độ đầu tư, tỷ lệ giải ngân vốn theo quy định, góp phần phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư, phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành mục tiêu

mỗi huyện có ít nhất 01 trường học công lập theo tiêu chí chất lượng cao ở mỗi cấp học giáo dục phổ thông; mỗi thành phố, thị xã có 01 trường trung học phổ thông công lập theo tiêu chí chất lượng cao (chuẩn mức độ 2 trở lên) theo Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND, ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3135/QĐ-UBND, ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

12. Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050;

13. Kế hoạch số 95/KH-UBND, ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2022 – 2023;

14. Quyết định số 3155/QĐ-UBND, ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 3135/QĐ-UBND, ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2022-2025;

15. Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND, ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp có vốn góp của chủ sở hữu thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

16. Kế hoạch số 240-KH/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sử dụng và tinh giản biên chế công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về tinh giản biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh;

17. Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND, ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

18. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND, ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

19. Nghị quyết số 112/NQ-HĐND, ngày 25/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Cô Tô về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương các dự án tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND, ngày 24/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện;

20. Quyết định số 663/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trường liên cấp THCS và THPT thị trấn Cô Tô;

21. Quyết định số 1859/QĐ-SGDĐT ngày 23/10/2019 về việc Phê duyệt phương hướng chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2025;

22. Quyết định số 50/QĐ-HĐTTHPTCT ngày 9/3/2022 về chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn 2031;

23. Báo cáo đánh giá ngoài trường THPT Cô Tô đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2019.

PHẦN I. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG.

I. TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

Cô Tô là huyện đảo biên giới có vị trí chiến lược, đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng để làm cơ sở vạch đường cơ bản khi hoạch định đường biên giới trên biển của nước ta, là khu vực phòng thủ của tỉnh nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Quảng Ninh, cách đất liền khoảng 60 hải lý và tiếp giáp với huyện Vân Đồn. Được thành lập ngày 23/3/1994, trên cơ sở 02 xã Cô Tô và Thanh Lân thuộc huyện Cô Tô (nay là huyện Vân Đồn); Cô Tô gồm trên 50 đảo lớn nhỏ với tổng diện tích tự nhiên trên 47,2km², trong đó có ba đảo lớn: đảo Cô Tô, đảo Thanh Lân và đảo Trần. Diện tích đất nổi của huyện là 4750,75 ha. Trong đó, đảo Cô Tô lớn là 1.780ha, đảo Thanh Lân là 1.887 ha, đảo Trần là 512 ha, còn lại là các đảo diện tích nhỏ lẻ khác, gồm 02 xã và 01 thị trấn; dân số khoảng 6.200 người, gồm 07 dân tộc (Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chỉ, Hoa). Huyện có tuyến biên giới Biển dài gần 200km, kéo dài từ đảo Trần huyện Cô Tô đến huyện đảo Bạch Long Vĩ của Hải Phòng; có trên 300km² ngư trường đánh bắt thủy hải sản, có vùng đánh cá chung. Có vị trí đặc biệt quan trọng về Quốc phòng, an ninh trên vùng biển phía Đông Bắc của Tổ quốc. Huyện Cô Tô cách tỉnh lỵ 100km về phía đông bắc Vịnh Bắc Bộ. Phía Bắc giáp đảo Cái Chiên (huyện Hải Hà), đảo Vĩnh Thực (Huyện Móng Cái). Phía Nam giáp vùng biển đảo Bạch Long Vĩ - Hải Phòng. Phía Tây giáp huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh. Cô Tô gần ngư trường khai thác hải sản lớn của cả nước; Đảo Trần nằm ở vị trí Đông Bắc của huyện, cách khu kinh tế mở Móng Cái khoảng 35 km, nằm trong khu vực cửa khẩu, cách đường Hàng hải quốc tế Hải Phòng - Bắc Hải 30 km. Với vị trí địa lý nêu trên, Cô Tô là một huyện đảo nằm ở vị trí có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế trên biển, du lịch, giao lưu kinh tế với nhân dân Trung Hoa. Có vị trí thuận lợi để phát triển dịch vụ cứu hộ cứu nạn trên biển. Huyện Cô Tô còn có vị trí quan trọng tạo thành điểm kết nối và tuyến du lịch, giải trí Hạ Long - Cửa Ông - Vân Đồn - Cô Tô.

Nhìn tổng thể, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, xã hội của huyện Cô Tô đã đem lại một số ưu thế riêng trong phát triển kinh tế - xã hội. Những năm gần đây, Cô Tô đang là điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, giá trị kinh tế hàng năm tăng (Năm 2019 giá trị tăng thêm đạt 16,1%; giá trị kinh tế Thương mại - dịch vụ chiếm 60,8%; lượng khách du lịch tăng 20% so với năm 2018, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 88 triệu, năm 2020 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 92,3 triệu...). Mặc dù kinh tế phát triển nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện nhưng cũng tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới công tác giáo dục như: Các dịch vụ như Karaoke, Game, Internet... ngày càng nhiều dẫn tới ô nhiễm môi trường âm thanh, trẻ em trốn học chơi điện tử; du lịch phát triển nên du nhập nhiều luồng văn hóa thiếu lành mạnh tác động trực tiếp tới gia đình các người dân trên đảo; trẻ em tham gia vào các hoạt động du lịch nên xao nhãng học tập, phụ huynh tập trung kiếm tiền nên ít quan tâm tới việc học tập của con em; số sinh viên tốt nghiệp ra trường nhiều nhưng

không xin được việc làm nên cũng làm giảm mục tiêu phấn đấu của học sinh; nguồn lao động khá dồi dào nhưng lao động có tay nghề chất lượng cao thấp...

II. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRƯỜNG THPT CÔ TÔ.

Trường THPT Cô Tô Được thành lập theo quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 22/8/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chia tách, thành lập trường THPT Cô Tô và trường THCS Thị trấn Cô Tô. Tiền thân là trường THPT cấp 2-3 huyện Cô Tô được thành lập theo quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 30/8/1999. Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2019.

Trong những năm qua, Trường THPT Cô Tô luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, liên tục nhiều năm được công nhận là trường Lao động tiên tiến và Lao động xuất sắc khối trường THPT thuộc huyện của tỉnh Quảng Ninh, được nhận Bằng khen và cờ của UBND Tỉnh.

1. Đặc điểm, tình hình nhà trường

1.1. Qui mô phát triển, tình hình học sinh

1.1.1. Qui mô phát triển: nhà trường duy trì ổn định với số lớp 9, tỉ lệ học sinh trên một lớp tương đối ổn định, hiện tại tỉ lệ trung bình là 24 học sinh/lớp (Bảng 1). Đây là cơ sở để triển khai tốt nhiệm vụ đổi mới phương pháp giảng dạy, quan tâm để phát triển năng lực của từng cá nhân học sinh. Dự báo trong thời gian tới số lớp và số lượng học sinh không biến động nhiều (Bảng 2).

Bảng 1. Qui mô và số học sinh THPT Cô Tô giai đoạn 2020- 2025

STT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
	Tổng số học sinh/lớp	218/9=24,3	218/9=24,3	220/9=24,5	234/9=26	240/9=26,7
	Khối lớp 10	77/3	69/3	90/3	85/3	71/3
	Khối lớp 11	76/3	76/3	68/3	85/3	84/3
	Khối lớp 12	65/3	75/3	76/3	64/3	85/3

Bảng 2. Dự báo số học sinh giai đoạn 2024-2025 đến 2030-2031

Năm học	THPT	
	Số lớp	Số HS
2024 - 2025	9	250
2025 - 2026	9	269
2026 - 2027	9	284

Năm học	THPT	
	Số lớp	Số HS
2027 - 2028	9	311
2028 - 2029	9	335
2029 - 2030	10	375
2030 - 2031	10	347

(Bảng số liệu trên chưa tính đến việc gia tăng cơ học)

1.1.2. Học sinh

* Điểm mạnh

- Đa phần các em học sinh chăm ngoan, có ý thức trong học tập, có quê quán ở những vùng, miền có truyền thống hiếu học như: Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định...Cha mẹ học sinh rất mong muốn con em được học hành đến nơi đến chốn, có thể đạt được những thành tích nhất định.

- Học sinh ham học hỏi, tích cực, yêu thích thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa, tham quan du lịch.

- Có ý thức kế thừa truyền thống học tập của các thế hệ học sinh đi trước như đã và đang học ở những trường nhóm đầu như: Học viện Biên phòng; Đại học Luật;....

- Số lượng học sinh Tiểu học, THCS trong 7 năm tới biến động không nhiều(Chưa tính gia tăng cơ học) (Bảng 2)

* Điểm yếu

- Học sinh thuộc vùng biên giới, hải đảo rất khó khăn.

- Học sinh thuộc xã Thanh Lâm phải ở nội trú tại trường.

- Điểm tuyển sinh đầu vào rất thấp hoặc xét tuyển.

- Một số học sinh phương pháp học tập chưa tốt, chưa tự giác trong học tập, ý thức tự học còn hạn chế, thụ động trong học tập và hoạt động phong trào.

- Vẫn còn số ít học sinh có biểu hiện chưa chấp hành tốt nội quy, quy định nhà trường và quy định của pháp luật.

1.2. Đội ngũ

Bảng 3. Thống kê số lượng và dự báo cán bộ quản lý, giáo viên

Đội ngũ	Năm học	Số lượng hiện có	Số lượng dự báo theo năm học				Số GV, NV nghỉ hưu đến 2025
			2020-2021	2021-2022	2023-2024	2024-2025	

Hiệu trưởng		0	0	1	1	1	0
Phó hiệu trưởng		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Ngữ văn		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Toán		2	2	2	2	2	0
Giáo viên Tiếng Anh		2	2	2	2	2	0
Giáo viên Giáo dục thể chất		1	1	1	1	1	0
Giáo dục quốc phòng và An ninh		1	1	1	0	0	0
Giáo viên Lịch sử	Nhóm môn khoa học xã hội	1	1	1	1	1	0
Giáo viên Địa lí		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Kinh tế và Pháp luật		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Vật lí	Nhóm môn khoa học tự nhiên	2	2	2	+ 1	+ 1	0
Giáo viên Hoá học		2	2	2	+1	+1	0
Giáo viên Sinh học		3	3	3	+2	+2	0
Giáo viên Âm nhạc	Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật				-1	-1	0
Giáo viên Mỹ thuật					-1	-1	0
Giáo viên Công nghệ		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Tin học		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Tiếng Dân tộc thiểu số; Giáo viên Tiếng Pháp, Trung							0
Nhân viên thư viện, thiết bị, thí nghiệm, Nhân viên CNTT		1	1	1	1	1	0
Nhân viên văn thư, Nhân viên kế toán, Nhân viên y tế, Nhân viên Thủ quỹ		3	3	2	2	2	0
Nhân viên giáo vụ							0
Nhân viên hỗ trợ người khuyết tật							0
Tổng		25	24	23	23	23	0

Bảng 4. Thống kê độ tuổi cán bộ, giáo viên

Độ tuổi	< 31	31-35	36-40	41-45	46-50	51-55	56-60
Số lượng	1	5	11	4	3	0	0
Tỉ lệ %	4,2	20,8	45,8	16,7	12,5	0	0

Bảng 5: thống kê về giới tính cán bộ quản lý - giáo viên- NV

Tổng số	Nam	Nữ
23	11	12

Bảng 6. Trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Trình độ chuyên môn				GVĐG cấp Tỉnh		Ngoại ngữ		Tin học		Chính trị (Trung cấp)	
Cử nhân		Thạc sĩ		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
SL	%	SL	%			ĐH: 02	9.5	ĐH: 01	4.7	8	38.1
19	90.4	2	9.5	2	9.5	Anh C: 04	19.0	Trình độ B: 17	70.8	BGH: 01	
		BGH: 01 Toán: 01		GD CD: 01 TD: 01		Anh B: 15	71.4	Trình độ C: 3	14.2	GV: 07	

1.2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết trong việc giảng dạy và các hoạt động giáo dục học sinh. Số giáo viên trong độ tuổi từ 36 đến 45 chiếm tỉ lệ cao 62,5%(Bảng 4), tỉ lệ nam nữ cân bằng(Bảng 5). Đây là một thế mạnh trong việc thực hiện các hoạt động chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác đòi hỏi sự linh hoạt, năng động, nhanh nhạy trong việc tiếp nhận những cái mới, đồng thời cũng đã có thời gian tích lũy kinh nghiệm giảng dạy. Số giáo viên tuổi từ 46 đến 55 chiếm tỉ lệ 12,5% (Bảng 4), là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt các công việc được giao.

- Đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi, có 35% giáo viên dưới 35 tuổi (Bảng 4), thường xuyên trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhiệt tình, gắn bó và mong muốn nhà trường ngày càng phát triển.

- Nhà trường có:

+ 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (2 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 9,6%). Chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.

+ 2 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Hàng năm có trên 15 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở.

- Chi bộ Đảng nhà trường gồm 19 đảng viên, chiếm tỉ lệ 72%/tổng số CB-GV-NV, 08 đồng chí đảng viên có trình độ trung cấp LLCT (01 cán bộ quản lý và 07 giáo viên), chi bộ liên tục đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*”. như vậy, ngoài việc nâng cao năng lực chuyên môn, nhà trường đã chú trọng công tác bồi dưỡng cán bộ, giáo viên về chính trị, tư tưởng, chăm lo tốt cho công tác phát triển Đảng tại cơ sở. Việc tuyên truyền tốt đường lối, chủ trương của

Đảng chính sách pháp luật của nhà nước được thực hiện tốt, từ đó CB, GV, VN hoàn thành tốt hơn những nhiệm vụ giáo dục được giao.

- Tỷ lệ nam, nữ cán bộ quản lý và giáo viên khá cân đối, 100% các đồng chí giáo viên nữ đã sinh đủ 2 con.

1.2.2. Điểm yếu

- Năng lực sử dụng Ngoại ngữ, Tin học vào công việc giảng dạy chưa cao.

- Tâm lý “an phận”, “bằng lòng” ở một số giáo viên thể hiện rõ nét; tư tưởng “bao cấp” còn nặng. Một số ít giáo viên chưa chủ động trong công việc, chưa thực sự tích cực trong hoạt động của nhà trường, chưa quan tâm đến học sinh.

- Đội ngũ giáo viên có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá, giỏi rất thấp; số giáo viên được đào tạo theo hình thức tại chức, vừa học vừa làm, cử tuyển ở trường rất cao.

- Nhiều giáo viên mới ra trường về đơn vị công tác được bồi dưỡng sau vài năm giảng dạy có kinh nghiệm, có thành tích thì chuyển về đất liền hoặc chuyển sang đơn vị khác công tác.

1.2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường:

Khó áp dụng các hình thức đổi mới hoạt động chuyên môn và đào tạo học sinh giỏi.

1.3. Cơ sở vật chất, thiết bị và phương tiện dạy học

1.3.1. CSVC nhà trường

Trường có diện tích khuôn viên hơn 16.500 m², với diện tích bình quân đạt hơn 78.5 m²/HS. Diện tích sân chơi trên 1157,61m², được đổ bê tông, trong sân trường trồng nhiều cây xanh và các bồn hoa lớn được bố trí ở hai bên cổng trường khi bước vào.

+ Sân tập thể dục với diện tích khoảng 420 m², được bố trí kèm theo các thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ cho việc tổ chức dạy học, TDTT, chưa có đường chạy tiêu chuẩn đủ 100m và các dụng cụ thể dục thể thao còn thiếu và bị hư hỏng.

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích khoảng trên 2.327,6m² trong tổng diện tích sử dụng của toàn trường có thể tổ chức được các hoạt động của cả trường như: Khai giảng, đồng diễn thể dục, ngoại khóa... Khu sân chơi với hệ thống trên 40 cây bóng mát có đường kính từ 20cm đến 30cm. Hiện tại, trường có 30 phòng làm việc, trong đó: có 9 phòng học; 3 phòng thực hành Sinh; Hóa; Lý - Công nghệ; 01 phòng thư viện; 01 phòng tin học; 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Đoàn; 01 Văn phòng; 01 phòng Bảo vệ; 01 phòng Y tế; 02 phòng Chuyên môn; 02 phòng làm việc của BGH; 01 phòng Công đoàn; 01 phòng Kế toán; 01 phòng Thư ký Hội đồng Giáo dục kiêm phòng thường trực Ban đại diện CMHS; 01 phòng Truyền thông; 01 phòng Hội đồng, các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động

của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường. Ngoài ra, mỗi phòng học, phòng học bộ môn còn được trang bị 01 máy chiếu (*hiện tại nhà trường có 14 máy chiếu, 14 màn chiếu*); phòng tin học được trang bị 28 máy tính được kết nối Internet; 01 phòng Ngoại ngữ được trang bị theo chuẩn gồm 01 máy chiếu, loa + mic...

1.3.2. Về phương tiện và thiết bị giảng dạy

- Trường đã được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thiết bị dạy học các bộ môn; máy vi tính,...).

- Nhà trường đảm bảo đầy đủ về trang thiết bị cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường, trong đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Nhà trường đã xây dựng website theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT với mục đích quảng bá, đăng tải và trao đổi thông tin giữa giáo viên và học sinh trong trường.

- Tất cả các phòng học đều được trang bị máy chiếu; các phòng học bộ môn được đầu tư trang bị đầy đủ các thiết bị (Bảng 7).

- Đã khai thác tương đối hiệu quả CSVC-TBDH hiện có ở trong các phòng học, phòng học bộ môn, sân tập... (*máy tính, máy chiếu, thiết bị thí nghiệm, thực hành, tranh ảnh, bản đồ, đài, băng đĩa...*)

1.3.3. Điểm yếu

Do điều kiện thời tiết vùng biển nên nhiều thiết bị dạy học nhanh hỏng và xuống cấp (máy tính, máy chiếu, hệ thống điện, các thiết bị điện tử...); hệ thống phòng học bị bong tróc, hệ thống điện xuống cấp nhanh. Chất lượng một số đồ dùng thiết bị dạy học chưa đảm bảo chính xác, chất lượng cũng chưa được tốt.

Bảng 7. Thông tin về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học năm học 2019- 2020

A. Khối phòng học	Số lượng
<i>Số phòng học theo chức năng</i>	14
- Phòng học văn hoá	9
- Phòng học bộ môn:	05
+ Phòng bộ môn Vật lý	01
+ Phòng bộ môn Hoá học	01
+ Phòng bộ môn Sinh vật	01
+ Phòng bộ môn Tin học	01
+ Phòng bộ môn Ngoại ngữ	01
B. Khối phòng phục vụ học tập	Số lượng
<i>Số phòng chia theo chức năng</i>	

- Thư viện	01
- Phòng thiết bị giáo dục	2
- Phòng Đoàn	01
- Phòng truyền thống	01
- Nhà tập đa năng	01
- Phòng khác	04 (kho)
C. Khối phòng khác	
Số phòng theo chức năng	
- Phòng y tế học đường	01
- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	02
- Khu vệ sinh dành cho HS nam	04
- Khu vệ sinh dành cho HS nữ	04
E. Khối phòng hành chính quản trị	
Số phòng chia theo chức năng	
- Phòng Hiệu trưởng	01
- Phòng Phó hiệu trưởng	01
- Phòng giáo viên	03
- Phòng họp	01
- Văn phòng trường	01
F. Khối công trình công cộng	
Số phòng theo chức năng	
- Nhà xe giáo viên	01
- Nhà xe học sinh	02
Cơ sở vật chất khác	Số lượng (m²)
Tổng diện tích đất	16.500 m ²
Trong đó: Diện tích đất được cấp	16.500 m ²
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	1.157,61m ²
Tổng diện tích một số loại phòng(m²)	
- Phòng học văn hoá	52,98m ² / phòng học
- Phòng học bộ môn	
+ Phòng bộ môn Vật lý	77,88 m ²

+ Phòng bộ môn Hoá học	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Sinh vật	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Tin học	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Ngoại ngữ	77,88 m ²
- Thư viện	120 m ²
- Nhà tập đa năng (Phòng giáo dục thể chất)	720 m ²
- Phòng khác (Phục vụ học tập)	
Thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: bộ)	
Tổng số	6
- Khối lớp 10	2
- Khối lớp 11	2
- Khối lớp 12	2
Thiết bị phục vụ giảng dạy	
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng	37/42
- Máy vi tính phục vụ học tập	28
- Máy vi tính phục vụ quản lý	9
Trong đó: Máy vi tính đang được nối Internet	37
Số máy photocopy	01
Số scanner	01
Số máy in	05
Số thiết bị nghe nhìn	
- Ti vi	0
- Cassette	02
- Đầu Video	01
- Đầu đĩa	01
- Máy chiếu Projector	14

1.4. Tài chính

1.4.1. Điểm mạnh

- Tài chính minh bạch, công khai, rõ ràng, đầy đủ.
- Xây dựng kế hoạch chi tiêu hợp lý.
- Không có tình trạng lạm thu trong nhà trường.

1.4.2. Điểm yếu

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp (phải đảm bảo cho mọi hoạt động trong bối cảnh nguồn lực tài chính (ngân sách nhà nước có hạn). Phần ngân sách để chi cho việc đi công tác lớn.

- Thu nhập của một số giáo viên trẻ, nhân viên còn thấp.

- Do đơn vị thuộc trường hạng 3, số biên chế ít, thuộc vùng biên giới hải đảo, đi lại khó khăn, đi 01 ngày công tác thành 3 ngày thanh toán, số học sinh ít, kinh tế của các bậc phụ huynh đa phần khó khăn, nguồn xã hội hóa gần như không có

1.4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường: hạn chế các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động phong trào trong nhà trường.

1.5. Tổ chức dạy và học

1.5.1. Điểm mạnh

- Thực hiện chương trình, kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và tiến độ.
- Kết quả học tập của học sinh tương đối khả quan, khoảng 70% học sinh đạt khá, giỏi.
- Một số bộ môn có lực lượng giáo viên mạnh và tương đối đều tay, đặc biệt là các môn: Văn, Sử, Địa, Giáo dục công dân, Tin, Sinh.

1.5.2. Điểm yếu

- Thực hiện đổi mới phương pháp chưa đồng bộ, một số ít GV còn lúng túng trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.
- Năng lực sử dụng các thiết bị, thí nghiệm, nhất là sử dụng CNTT của một bộ phận GV còn hạn chế dẫn đến chất lượng giờ dạy hiệu quả chưa cao.
- Một số bộ môn còn chưa đầu tư cao vào việc đào tạo học sinh giỏi nhất là ở giai đoạn tạo nguồn khối 10, 11.
- Một bộ phận nhỏ GV chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục, quản lý HS; chưa chủ động trong công việc; sự tin nhiệm của HS và đồng nghiệp còn thấp.

1.5.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường:

Chưa có điều kiện, thời gian quan tâm đúng mức đến các em học sinh chưa ngoan, lười học. Chưa nhiệt tình tham gia trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

1.6. Chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh

1.6.1. Chế độ chính sách đối với giáo viên, nhân viên

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THPT Cô Tô được hưởng đầy đủ và đúng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước. Ngoài ra, tại trường THPT Cô Tô đã có chế độ, chính sách đối với giáo viên học nâng cao, học bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề; thưởng cho giáo viên có học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi; chi hỗ trợ cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

1.6.2. Chế độ chính sách đối với học sinh

Học sinh trường THPT Cô Tô ngoài những chế độ được hưởng theo quy định hiện hành của nhà nước: Với học sinh thuộc xã Thanh Lân các em được hưởng chế độ bán trú bằng 40% mức lương tối thiểu, các em còn được thưởng nếu đạt các thành tích cao trong học tập và trong rèn luyện. Những học sinh ở xã Thanh Lân hưởng đầy đủ chế độ bán trú theo quy định của Nhà nước giúp các em có điều kiện tốt hơn trong thời gian học tập tại nhà trường.

1.7. Lãnh đạo và quản lý

1.7.1. Điểm mạnh

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với trường, hết lòng vì tập thể và học sinh.
- Được sự tin nhiệm và tin tưởng của các cấp ủy đảng, CB, GV, NV và học sinh nhà trường.
- Nhiệt tình, làm việc đúng pháp luật, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát công việc khoa học phù hợp với đặc thù đơn vị.
- Quan tâm chăm sóc đến đời sống CB, GV, NV.

1.7.2. Điểm yếu

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng còn hạn chế.
- Chưa phát huy hết năng lực của giáo viên.

1.8. Kết quả giáo dục và đào tạo từ năm học 2019- 2020 đến nay

1.8.1. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục

Điểm mạnh: Từ năm học 2019- 2020 đến nay, kết quả xếp loại hai mặt giáo dục của nhà trường được giữ tương đối ổn định. Dần theo các năm tỉ lệ học sinh khá giỏi tăng, tỉ lệ học sinh trung bình và yếu giảm.

Bảng 8: Bảng tổng hợp xếp loại học lực các năm học.

STT	Năm học	Tổng số HS	Học lực							
			Giỏi		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	2019-2020	218	25	11.47	129	59.17	64	29.36	0	0
2	2020-2021	220	37	16.82	142	64.55	40	18.18	0	0
3	2021-2022	234	38	16.24	125	53.42	67	28.63	3	1.28
4	2022-2023	235	40	17,02	105	44,68	87	37,02	3	1,27
5	2023-2024	239	39	16.3	137	57.3	63	26.3	0	0

Bảng 9: Bảng tổng hợp xếp loại hạnh kiểm các năm học

S T	Năm học	Tổng	Hạnh kiểm/Rèn luyện			
			Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/Chưa đạt

T		số HS	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	2019-2020	218	144	66.06	61	27.98	13	5.96	0	0
2	2020-2021	220	159	72.27	56	25.45	5	2.27	0	0
3	2021-2022	234	158	67.52	61	26.07	12	5.13	3	1.28
4	2022-2023	235	158	67,23	62	26,38	11	4,68	3	1,27
5	2023-2024	239	161	67.3	68	28,4	10	4,1	0	0

- Về học lực: Số học sinh xếp loại học lực Khá Giỏi luôn đạt trên 70%. Số học sinh xếp loại khá, giỏi ngày càng tăng theo các năm học. (Bảng 7; Biểu đồ 2).

- Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm Tốt- Khá luôn đạt trên 80%; trong đó, tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt là trên 66%. (Bảng 8; Biểu đồ 3)

Điểm yếu: Một số học sinh chưa xác định rõ động cơ học tập, phương pháp học tập chưa tốt, chưa tự giác trong học tập, ý thức tự học còn hạn chế, thụ động trong học tập và hoạt động phong trào.

1.8.2. Kết quả tốt nghiệp hàng năm

Điểm mạnh: Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp có năm đạt 100%.

Điểm yếu: Học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt tỉ lệ không ổn định, (Bảng 9).

Bảng 9. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp, duy trì sỹ số

S T T	Năm học	Tổng số HS	Số lượng HS bỏ học	TL lên lớp thẳng	Tỷ lệ tốt nghiệp	HS đỗ ĐH	HS Đạt HSG văn hóa cấp tỉnh
1	2019-2020	218	4	100	100	15	7
2	2020-2021	220	8	100	100	17	6
3	2021-2022	234	8	100	100	12	4
4	2022-2023	235	7	98	98,4	35	2
5	2023-2024	239	8	100	100	45	1

1.8.3. Kết quả chất lượng mũi nhọn

Điểm mạnh:

- Số lượng học sinh giỏi cấp Tỉnh các môn văn hóa hàng năm không ổn định (Bảng 9).

Điểm yếu:

Tuy nhiên, công tác ôn luyện các đội tuyển học sinh giỏi chưa có sự bứt phá. Một số môn còn “trắng bảng” như Toán, Lý, Hóa, một số môn số lượng giải thấp so với các môn khác trong trường Văn, Ngoại ngữ. (Bảng 9).

1.8.4. Kết quả giáo dục môn Ngoại ngữ:

Điểm mạnh:

Hoạt động dạy học tiếng Anh đã được thực hiện tương đối đa dạng bằng việc sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, sử dụng mô hình tiếng Anh cộng đồng, kết hợp các hình thức và phương pháp đánh giá định tính với đánh giá định lượng, đánh giá thời điểm và đánh giá quá trình.

Nhìn chung HS nắm được kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng; thực hiện các bài đọc hiểu như đọc và trả lời câu hỏi; đọc và lựa chọn đáp án đúng; đọc và điền từ..., hoàn thành bài tập sắp xếp các từ xáo trộn thành câu, viết lại câu, viết đoạn văn.

Điểm yếu:

Giáo viên còn tuân thủ nghiêm ngặt các hoạt động được thiết kế trong sách giáo khoa, chưa có sự linh hoạt và mềm dẻo vì vậy chưa phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực của học sinh. Việc sử dụng quy trình cũng như kỹ thuật dạy học cá nhân kết hợp với dạy học hợp tác, dạy học phân hóa còn có những hạn chế nhất định. Hình thức đánh giá quá trình chưa được thực hiện rõ nét, chưa chú trọng phát triển năng lực học tập cho học sinh; rèn kỹ năng đọc và viết nhiều hơn là kỹ năng nghe và nói.

Phần lớn học sinh chỉ thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao hoặc gắn với điểm số. Số ít học sinh yêu thích môn tiếng Anh mới tự giác hoàn thành bài tập, tham khảo tài liệu.

Năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh được đánh giá chủ yếu ở mức độ trung bình; năng lực nghe và nói yếu hơn đọc và viết. Học sinh còn mắc nhiều lỗi về ngữ pháp và từ vựng hoặc bỏ qua bài viết, hạn chế về năng lực nghe hiểu, năng lực thuyết trình, giao tiếp và viết bài luận.

2. Đánh giá kết quả đạt được và hạn chế, bất cập

2.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

2.1.1. Kết quả đạt được:

Trong 5 năm học (từ năm học 2019- 2021 đến học năm học 2024- 2024), Trường THPT Cô Tô đã đạt được kết quả khả quan trong việc thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học các bộ môn văn hóa, giữ vững chất lượng giáo dục đại trà; nâng cao tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng; Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm và đã triển khai đạt kết quả cao trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục toàn diện thông qua nhiều hoạt động ngoại khóa, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục ngoài giờ lên lớp. Được các cấp, ngành khen thưởng và đánh giá cao. Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2019. Đây chính là yếu tố quyết định đã khẳng định sự phát triển không ngừng của nhà trường trong các năm qua.

2.1.2. Nguyên nhân.

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, nhà trường đã linh hoạt, khéo léo trong việc tổ chức các phong trào thi đua, quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh. Vì vậy các hoạt động của nhà trường luôn diễn ra nhịp nhàng và đạt được những kết quả tốt.

- Điểm mạnh nổi bật mang tính cốt lõi nữa là toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, sẵn sàng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

- Tập thể CB-GV-NV đoàn kết, gắn bó với trường lớp, quan tâm đến học sinh; biết nỗ lực cố gắng đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng nhiều đến thực hành (các bộ môn Lý, Hoá, Sinh), hạn chế học chay, thực hiện tốt các tiêu chí của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp phát huy vai trò và khả năng hoạt động theo Điều lệ quy định.

- Minh bạch, công khai và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ; các nguồn thu chi được xây dựng chi tiết, cụ thể và thực hiện theo đúng kế hoạch, tiền đề đề ra. Luôn đảm bảo tốt các nguyên tắc thu chi trên tinh thần tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa để tăng thu nhập cho đội ngũ.

- Cán bộ quản lý, lực lượng nòng cốt chuyên môn của trường nhiệt tình, tận tâm vì sự nghiệp chung của trường, có ý thức và tinh thần trách nhiệm trong việc đổi mới các hoạt động giáo dục của nhà trường, nêu cao tinh thần “Dân chủ - kỷ cương - tình thương - trách nhiệm”.

- Đội ngũ giáo viên phần lớn có thâm niên, trình độ chuyên môn tương đối vững vàng bên cạnh đội ngũ giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm khá tốt và hơn hết là tinh thần ham học hỏi.

- Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động VN-TDĐT... tạo sân chơi thu hút đông đảo học sinh tham gia.

2.2. Hạn chế, bất cập

2.2.1. Chủ quan

Tuy nhiên, nhà trường cũng vẫn còn một số hạn chế nhất định mang tính tạm thời là:

- Việc triển khai các phong trào nghiên cứu KHKT dành cho học sinh trung học kết quả chưa cao.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học và năng lực sử dụng các thiết bị, thí nghiệm, nhất là sử dụng CNTT của một bộ phận GV còn hạn chế dẫn đến chất lượng giờ dạy hiệu quả chưa cao.

- Một số giáo viên trẻ, thiếu kinh nghiệm giảng dạy và xử lý công việc. Cơ cấu bộ môn không đồng bộ gây khó khăn trong sắp xếp phân công nhiệm vụ; Việc bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên chưa thực sự hiệu quả.

- Chưa tạo được sự thúc đẩy mạnh mẽ đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường nhằm phát huy sự sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, năng lực, trí tuệ của mỗi cá nhân để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

a. Về học sinh

- Một số học sinh chưa có thói quen tự học, chưa tự chủ trong học tập, chưa có phương pháp học tập thích hợp.

- Hầu hết cha mẹ học sinh đều quan tâm đến việc học tập của con em nhưng cách thực hiện chưa đúng như: chưa xác định được năng lực thực sự của con em mình, khả năng tiếp thu của con em; cách giáo dục, nuông chiều con cái quá mức cũng làm hạn chế các kỹ năng sống cần thiết cho sự phát triển của học sinh.

- Chất lượng đầu vào lớp thấp, kết quả các cuộc thi văn hóa, thể dục thể thao cấp tỉnh khối học sinh THCS đạt chất lượng thấp.

- Do nhận thức của một số học sinh còn kém và sự quản lý của gia đình chưa được chặt chẽ nên các em vi phạm vào nội quy, quy định, điều lệ trường trung học.

- Trường đứng chân trên địa bàn huyện đảo khó khăn, xa đất liền nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở các địa phương khác rất khó khăn.

b. Về lực lượng sư phạm

*** Giáo viên**

- Một số ít giáo viên chưa thường xuyên quan tâm, chưa chủ động trong việc tiếp cận, sử dụng hoặc bổ sung các phương tiện, trang thiết bị và CNTT trong dạy học.

- Một số ít giáo viên tập trung vào việc hoàn thành chương trình hơn là sáng tạo, nhạy bén, chú tâm vào phương pháp giảng dạy mới.

- Chỉ tập trung vào truyền thụ kiến thức mà chưa quan tâm nhiều đến giáo dục kỹ năng, đạo đức học sinh, tư vấn, hỗ trợ các em học tập và rèn luyện nhân cách.

- Ít có thời gian để điều chỉnh các kỹ năng cần thiết như: giao tiếp ứng xử, cẩn thận, kỹ lưỡng trong công việc, hợp tác, tiếp cận và tư vấn học sinh...

- Yêu cầu giáo dục ngày càng cao, nhưng khả năng đáp ứng của nhà trường để tái tạo sức lao động cho giáo viên còn hạn hẹp, không thể kịp với tốc độ phát triển của xã hội.

- Đội ngũ giáo viên ở trường có bằng tốt nghiệp đại học loại Giỏi không có; bằng tốt nghiệp đại học loại Khá rất thấp (2/20); số giáo viên được đào tạo theo hình thức tại chức, vừa học vừa làm, cử tuyển cao (12/20).

*** Nhân viên**

- Khả năng hợp tác, phối hợp trong công việc còn hạn chế vì mỗi người một chuyên môn riêng, nên chỉ phối hợp, giúp đỡ các công việc cụ thể đơn giản.

- Nhân lực ít nhưng khối lượng công việc ngày càng nhiều.

*** Cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán**

- Phó Hiệu trưởng nhà trường thường chú tâm vào công việc cụ thể để hoàn thành kế hoạch đề ra; đôi khi chưa được thường xuyên tham gia các nội dung bồi dưỡng về công tác quản lý, quản trị trường học hay tham dự các khóa huấn luyện để nâng cao kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý do Sở GD&ĐT tổ chức.

- Lực lượng tổ trưởng chuyên môn tuy vững tay nghề về chuyên môn nhưng còn nể nang, cả nể khi đồng nghiệp không nhận nhiệm vụ. Ít tổ chức các hoạt động để nâng cao khả năng làm việc theo nhóm trong tổ.

- Chưa thực sự tích cực trong các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động do các đoàn thể tổ chức.

*** Về cơ sở vật chất- trang thiết bị**

- Do đặc thù thời tiết ở đảo Cô Tô không khí có nồng độ muối cao nên các đồ dùng rất nhanh hỏng, hư hỏng nhanh xuống cấp (máy tính, máy chiếu, hệ thống điện, các thiết bị điện tử...); hệ thống phòng học bị bong tróc, hệ thống điện xuống cấp nhanh. Chất lượng một số đồ dùng thiết bị chưa đảm bảo chính xác, chất lượng cũng chưa được tốt

- Một số trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đảm bảo về chất lượng, chưa đồng bộ, độ chính xác chưa cao đã ảnh hưởng đến hiệu quả một số bài thực hành.

- Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm hàng năm phục vụ cho các bộ môn còn hạn chế về số lượng. Đa số chỉ dùng lại những thiết bị đơn giản, dễ làm.

- Một số thiết bị dạy học đã được cấp từ lâu chưa được thay mới, việc tiêu hủy hóa chất còn gặp khó khăn do khoảng cách địa lý.

- Việc bảo quản, tiêu hủy một số loại hóa chất chưa đảm bảo quy định, việc bố trí, sắp xếp thiết bị trong các phòng thực hành chưa hợp lý.

- Các nguồn tài chính còn hạn hẹp nên tác động không ít đến hoạt động chung của trường cũng như sự vươn lên và phát triển bền vững.

- Công tác chỉ đạo bảo quản, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa được quan tâm đúng mức, vẫn còn hiện tượng giáo viên ngại sử dụng trang thiết bị dạy học, ngại ứng dụng CNTT vào giảng dạy.

2.2.2. Khách quan

- Cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự, tài chính, kết quả hoạt động và cơ chế quản lý giáo dục chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhiều gia đình đi biển dài ngày hoặc cả bố mẹ đều đi lao động nước ngoài nên khó khăn trong việc phối hợp giáo dục.

- Nhiều bậc phụ huynh HS chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình nên thường xuyên vắng họp. BDD cha mẹ học sinh còn bận nhiều việc gia đình nên việc liên hệ, phối kết hợp với nhà trường đôi khi chưa kịp thời. BDD cha mẹ học sinh chưa phối hợp hiệu quả với xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BDD cha mẹ học sinh.

- Trường thuộc vùng biên giới hải đảo, trên 80% phụ huynh học sinh làm nghề ngư nghiệp đánh bắt xa bờ nên nhận thức về chiến lược phát triển giáo dục và công tác phối hợp với nhà trường trong việc quan tâm, giáo dục, định hướng nghề cho con em còn nhiều hạn chế. Không những thế, do đặc thù vùng miền, chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp nên gặp nhiều khó khăn trong công tác bồi dưỡng, đào tạo mũi nhọn.

III. DỰ BÁO THỜI CƠ, THÁCH THỨC

1. Cơ chế, chính sách

1.1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước nhận thức rõ sự tất yếu, cần thiết và quyết tâm cao trong việc đổi mới giáo dục, không những thể hiện trên quan điểm mà còn đề ra mục tiêu và một số giải pháp phát triển giáo dục.

- Phương thức quản lý giáo dục lấy cơ sở làm trung tâm, cùng với cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự và tài chính đã mở ra cho nhà trường hướng đi thông thoáng, năng động, có trách nhiệm trong việc xây dựng hướng phát triển nhà trường.

- Tận dụng tính đổi mới và sáng tạo của cơ sở giáo dục cộng với thực hiện quyền tập trung dân chủ cao độ là động lực quan trọng giúp cho cơ sở giáo dục có sức mạnh để phát triển nhà trường.

1.2. Khó khăn

Phương thức quản lý lấy cơ sở làm trung tâm tạo ra những thách thức chủ yếu:

- Đòi hỏi cán bộ quản lý nhà trường phải có năng lực ra quyết định phù hợp với quyền tự chủ về nhân sự, tài chính và chuyên môn.

- CB, GV, NV phải có năng lực đóng góp và tham gia quản lý nhà trường.

- Đội ngũ nhà giáo phải có năng lực làm việc tập thể, có kỹ năng giải quyết vấn đề; toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp chung.

1.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Các thành viên trong nhà trường phải nhận thức được tầm quan trọng và tính cần thiết của việc đổi mới các hoạt động giáo dục, CSVC nhà trường theo hướng hiện đại hóa.

- Cần phải đầu tư nhiều công sức, trí tuệ trong việc đổi mới phương pháp dạy học tùy theo khả năng của từng người.

- Công tác quản lý, điều hành các hoạt động trong nhà trường cũng phải được điều chỉnh.

- Mỗi quan hệ hợp tác giữa các thành viên phải được cải thiện.

2. Tài chính

2.1. Thuận lợi

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa đem lại những cơ hội:

- Thúc đẩy nhanh phát triển giáo dục; trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất được hoàn thiện ngày càng hiện đại... đáp ứng các yêu cầu đổi mới.

- Mọi người có cơ hội phát triển và đóng góp như nhau, phát huy được tính sáng tạo của từng thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường.

- Khả năng đóng góp của xã hội cho sự nghiệp giáo dục cao hơn.

2.2. Khó khăn

Do nguồn kinh phí hạn hẹp, chênh lệch giữa cung và cầu lớn nên gặp nhiều thách thức:

- Yêu cầu về trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhân lực phục vụ cho giáo dục thì nhiều nhưng kinh phí thì có hạn.

- Năng lực và khả năng hợp tác của mỗi người khác nhau tùy thuộc nhiều yếu tố.

- Chế độ chính sách theo quy định chung thường cứng nhắc, không phù hợp thực tế hoạt động của đơn vị.

2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Thường nảy sinh tâm lý so sánh thu nhập của GV trong trường với các trường trong huyện.

- Chế độ lương thấp, nhất là các giáo viên mới ra trường và đội ngũ nhân viên tạo tâm lý với công việc.

3. Văn hóa

3.1. Thuận lợi

- Đa số các thành viên đều có ý thức tốt trong việc xây dựng, nuôi dưỡng bầu không khí dân chủ, hợp tác và tin cậy lẫn nhau.
- Nhận thức được sự cần thiết phải cải tiến vươn lên, sáng tạo và đổi mới để nâng cao chất lượng hoạt động của mình.
- Tôn trọng và luôn hướng về giá trị đích thực, giản dị trong sinh hoạt, trung thực thẳng thắn trong công việc, nói và làm gắn liền với thực tiễn.
- Ý thức tốt việc xây dựng nề nếp, tác phong, trật tự kỷ luật của học sinh, tập trung quan tâm đến các mối quan hệ thân thiện giữa người với người và với môi trường.

3.2. Khó khăn

- Là trường THPT duy nhất lại có quy mô nhỏ trên địa bàn huyện đảo nên các hoạt động VH, VN, TDDT của các cơ quan ban ngành trên huyện phần lớn dựa vào nguồn nhân lực là giáo viên và học sinh nhà trường.
- Mỗi người một cá tính, thể hiện văn hóa đồng đều ở mọi thành viên trong nhà trường là một việc vô cùng khó khăn; mất nhiều thời gian để từ bỏ những thói quen không được tập thể chấp nhận.
- Những tập quán xấu, hành vi tiêu cực bên ngoài xã hội tác động vào mọi người, tạo nên một sức ỳ trong quá trình hình thành nếp sống tốt đẹp trong nhà trường.
- Chưa có sự thống nhất quan điểm về cách giao tiếp ứng xử giữa các thành viên trong nhà trường.

3.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Giữa nhận thức và hành động còn nhiều khoảng cách khá xa. Tính bảo thủ, bao cấp của một bộ phận giáo viên, nhân viên là rào cản cho việc xây dựng một nền văn hóa nhà trường.
- Thái độ bàng quang của một số giáo viên ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì hình ảnh tốt về văn hóa nhà trường.

4. Xã hội

4.1. Thuận lợi

- Là trường THPT duy nhất lại có quy mô nhỏ trên địa bàn huyện đảo nên luôn nhận được sự quan tâm động viên khích lệ của các cấp; các ngành trên địa bàn huyện.
- Dư luận xã hội đồng tình với quan điểm của nhà trường trong việc xây dựng phong trào “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”.
- Sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội không những nâng cao hiệu quả giáo dục mà còn thúc đẩy khá năng hợp tác, cải thiện mạnh mẽ văn hóa ứng xử, giao tiếp trong nhà trường.

- Việc xây dựng và thực hiện tốt cụm đơn vị an toàn, địa bàn an toàn tạo cơ hội nắm bắt thông tin đa chiều nhanh và thuận lợi trong công tác phối hợp giáo dục học sinh.

4.2. Khó khăn

Nhận thức về mục đích học tập, đánh giá chất lượng giáo dục trong xã hội (đặc biệt là các bậc CMHS) còn khoảng cách khá xa giữa lý luận và thực tiễn dẫn đến việc tư vấn nghề nghiệp cho học sinh chưa thực sự hiệu quả. Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, internet,... ảnh hưởng đến các biện pháp giáo dục của nhà trường; một số CMHS chưa thực sự quan tâm giáo dục học sinh hoặc giáo dục chưa đúng cách; một số CMHS còn quá khó khăn trong kinh tế gia đình, phải bươn trải mưu sinh bằng việc đi lao động nước ngoài...

4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường:

Quản lý học sinh cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Mỗi quan hệ này phải thực sự gắn bó nếu không rất khó quản lý giờ giấc học tập của các em.

5. Quốc phòng - an ninh.

5.1. Thuận lợi.

Cô Tô là huyện biên giới, biển, đảo có vị trí chiến lược, đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng để làm cơ sở vạch đường cơ bản khi hoạch định đường biên giới trên biển của nước ta, là khu vực phòng thủ của tỉnh nên Đảng và nhà nước rất quan tâm đầu tư cơ sở, vật chất kỹ thuật xây dựng khu vực phòng thủ phù hợp với tính "lưỡng dụng", gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng và an ninh góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của tổ quốc.

5.2. Khó khăn.

- Các thế lực thù địch cũng tìm mọi cách chống phá làm mất đi sự ổn định.
- Công tác tuyên truyền, giáo dục về nhiệm vụ công tác quốc phòng toàn dân trong tình hình mới đã được triển khai trên nhiều phương diện, đa dạng về nội dung, hình thức nhưng đạt hiệu quả chưa được như mong đợi./.

6. Nhận định, đánh giá chung về thời cơ, thách thức đối với nhà trường

6.1. Thời cơ

- Các ngành, các cấp ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng bậc nhất của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên đã có quan tâm nhiều hơn đến phát triển giáo dục và đào tạo;

- Đảng, Nhà nước và Tỉnh đã xác định "*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân*" là một trong 3 đột phá chiến lược KT-XH,

xem đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt là thành tựu về giảm nghèo, thực hiện chương trình nông thôn mới, phát triển du lịch, dịch vụ. Chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

- Chính trị, an ninh ổn định, thành tựu phát triển KT-XH của huyện trong những năm trở lại đây phát triển mạnh, đời sống nhân dân ổn định và nâng cao. Đã hoàn thành Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án “Quy hoạch phát triển nhân lực huyện Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và những kết quả đạt được về chất lượng giáo dục và đào tạo trong những năm qua là cơ hội tốt để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

- Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục ngày càng tăng; khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là CNTT.

- Nhà trường nhận được sự tín nhiệm của học sinh và CMHS trong huyện.

6.2. Thách thức

- Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ trên thế giới, hội nhập quốc tế không chỉ tạo cho giáo dục cơ hội phát triển mà còn chứa đựng nguy cơ xâm nhập của những giá trị văn hóa và lối sống thiếu lành mạnh làm xói mòn bản sắc dân tộc, ảnh hưởng giáo dục truyền thống.

- Phát triển kinh tế nhanh, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội có nguy cơ gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng ngày càng rõ rệt, có nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa huyện với các địa phương trong tỉnh, giữa các đối tượng người học.

- Hạn chế nguồn nhân lực đang là một thách thức lớn đối với Quảng Ninh nói chung và Cô Tô nói riêng, thiếu lao động có tay nghề cao; chất lượng lao động, chất lượng dịch vụ và hiệu suất công việc còn thấp. Cả ngành dịch vụ và công nghiệp đều yêu cầu lao động có tay nghề như: khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, tiếng Trung trong ngành du lịch, kỹ năng chuyên môn vận hành máy móc kỹ thuật cao trong ngành sản xuất...

- Chất lượng giảng dạy (chất lượng giáo viên là yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng đầu ra của giáo dục) đang là thách thức lớn nhất đối với hệ thống GD&ĐT của Quảng Ninh nói chung và các trường THPT riêng.

- Chương trình giáo dục phổ thông mới và Sách giáo khoa mới thực hiện với khối THPT bắt đầu từ năm học 2022- 2023, bên cạnh đó là những quy định mới về môn học, về phát triển năng lực phẩm chất, những thay đổi về kiểm tra, thi cử...

- Trường THPT Cô Tô nói riêng và các trường THPT nói chung gặp khó khăn trong việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới đặc biệt đối với các bộ môn: Công nghệ; Mỹ thuật; Âm nhạc ở trường có quy mô nhỏ không có thì thiếu mà có 01 giáo viên lại thừa.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC.

- Xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện cho tất cả người học, không phân biệt điều kiện hoàn cảnh.

- Giáo dục, tư vấn, định hướng tạo mọi điều kiện cho người học chủ động tìm kiếm lĩnh hội tri thức, thể hiện quan điểm cá nhân, tích cực hình thành nhu cầu học tập không ngừng.

- Trang bị, cung cấp nền tảng đạo đức, văn hóa, các kỹ năng sống giúp người học trở thành những công dân có ích, năng động trong thời kì hội nhập toàn cầu

- Từ giai đoạn 2020 – 2025, Trường THPT Cô Tô phấn đấu trở thành trường học có môi trường giáo dục lành mạnh, chất lượng giáo dục tốt nhất của huyện đảo. Nhà trường sẵn sàng là nơi cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành học, bậc học là cơ sở giáo dục giúp cho người học có đủ điều kiện hoàn thiện việc học tập để phục vụ ngay tại huyện đảo, biên giới, biển. Nhà trường sẽ là đối tác cho các trường Đại học trong Tỉnh cũng như trường Nghề, nơi chấp cánh cho những ước mơ khát vọng làm chủ cuộc sống đối với mỗi người học.

PHẦN II: MỤC TIÊU, TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC.

I. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Trong đó, tập chung vào 3 đột phá chiến lược (1) Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục; (2) Đầu tư nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; (3) Nâng cao kết quả thi tốt nghiệp THPT .

- Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh THPT Cô Tô, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

- Tích cực vận dụng nguồn lực xã hội hóa trong giáo dục để phối hợp tốt trong giáo dục nâng cao cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Thực hiện mô hình trường THPT Cô Tô: “XANH - SẠCH - ĐẸP - AN TOÀN - HẠNH PHÚC”.

- Các vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong giai đoạn tiếp theo: Nâng chất lượng dạy và học, Duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 từ năm 2024; Thực hiện tốt chuyển đổi số trong giáo dục.

II. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập.

- Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh THPT Cô Tô, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

- Tích cực vận dụng nguồn lực xã hội hóa trong giáo dục để phối hợp tốt trong giáo dục nâng cao cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

PHẦN III. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp thứ nhất: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong xây dựng kế hoạch nhà trường, duy trì và phát triển bền vững chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

1.1. Mục tiêu

Thực hiện nghiêm túc các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong công tác giáo dục.

Thực hiện hiệu quả: Kế hoạch hành động số 2102/KH&SGDDĐT ngày 12/8/2020 về thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong mọi hoạt động của nhà trường. Thể chế hoá bằng qui chế làm việc và phối hợp giữa các tổ chức, bộ phận và cá nhân; qui chế làm việc giữa cấp ủy với Hiệu trưởng, giữa Hiệu trưởng với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Chỉ tiêu cụ thể:

Học lực từ năm 2024-2025 đến 2030-2031

Năm học	THPT							
	Số lớp	Số HS	Giỏi	%	Khá	%	Đạt	%
2024 - 2025	9	250	42	17	140	56	67	27
2025 - 2026	9	269	45	17	150	56	72	27
2026 - 2027	9	284	51	18	159	56	73	26
2027 - 2028	9	311	55	18	174	56	80	26
2028 - 2029	9	335	63	19	187	56	83	25

Năm học	THPT							
	Số lớp	Số HS	Giỏi	%	Khá	%	Đạt	%
2029 - 2030	10	375	71	19	210	56	93	25

Hạnh kiểm từ năm 2024-2025 đến 2029-2030

Năm học	THPT							
	Số lớp	Số HS	Tốt	%	Khá	%	TB	%
2024 - 2025	9	250	167	67	70	28	12	5
2025 - 2026	9	269	180	67	75	28	13	5
2026 - 2027	9	284	193	68	79	28	11	4
2027 - 2028	9	311	211	68	78	28	12	4
2028 - 2029	9	335	231	69	93	28	10	3
2029 - 2030	10	375	258	69	105	28	11	3

1.2. Nội dung thực hiện

- Thực hiện thành công Nghị quyết đại hội Chi bộ Lần thứ V giai đoạn 2020- 2025.

- Thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020- 2025, với việc chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông mới, đưa ra điều kiện và chỉ tiêu cho giáo viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ (cao học, lí luận chính trị, bồi dưỡng ngắn hạn...).

- Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn, từng năm học phù hợp với tình hình cụ thể và sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, của tỉnh và các cấp quản lí giáo dục với các mục tiêu và nội dung cụ thể. Xác định rõ vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng thành viên trong tập thể CB, GV, NV nhà trường. Lấy mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả các công việc được phân công cụ thể để đánh giá xếp loại đảng viên, cán bộ, viên chức hàng năm.

- Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

- Chủ động xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ giáo

dục và đào tạo (có hướng dẫn bổ sung tại Công văn 5131/GDĐT-GDTrH ngày 01/11/2017); công văn số 2824/SGDĐT-GDTrH ngày 19/10/2017 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017- 2018 và các công văn chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học các năm học của Sở GD&ĐT. Xây dựng chương trình giáo dục theo đặc thù giáo viên và học sinh của trường. Linh hoạt, sáng tạo trong việc chuẩn bị nội dung, đảm bảo đúng theo qui định về chuẩn kiến thức, kỹ năng, số lượng, thời lượng của mỗi môn học và tăng tính thực tiễn, tính ứng dụng trong kiến thức giảng dạy.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn, các Đoàn thể xây dựng kế hoạch công tác, thực hiện mục tiêu. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn theo năm học, bám sát mục tiêu kế hoạch 5 năm của nhà trường và nội dung chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, nhà trường từng năm học. Kế hoạch phù hợp và phát huy được thế mạnh của giáo viên, học sinh và TBDH của nhà trường. Các Đoàn thể (Công Đoàn, Đoàn thanh niên, Hội LHTN...) cụ thể hóa những mục tiêu phát triển của nhà trường thành kế hoạch hoạt động, có chỉ tiêu cụ thể theo từng mặt hoạt động và từng giai đoạn. Có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Làm tốt công tác thông tin và truyền thông để xây dựng hình ảnh nhà trường và góp phần đổi mới công tác truyền thông.

- Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong nhà trường, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Cấp ủy đảng phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm và không để xảy ra các hiện tượng tiêu cực, gây bức xúc trong nhà trường.

2. Nhóm giải pháp thứ hai: đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

2.1. Mục tiêu

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện khả năng tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh.

- Khuyến khích tự học, tạo cơ sở để học sinh tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực.
- Tổ chức hình thức học tập đa dạng, tổ chức các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.
- Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng tiếp cận năng lực, phù hợp với định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

2.2. Nội dung thực hiện

2.2.1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau.

- Xây dựng kế hoạch bài học gắn với đối tượng cụ thể, yêu cầu cụ thể theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học để đáp ứng mục tiêu học tập của học sinh; tiếp tục quán triệt tinh thần giáo dục tích hợp (STEM) trong việc thực hiện chương trình ở những môn học liên quan (Toán, Lí, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ...). Dạy học gắn với trải nghiệm sáng tạo, gắn với mục tiêu giáo dục cụ thể, khai thác tối đa các điều kiện thuận lợi và nguồn lực của địa phương. Tăng cường khai thác không gian trường học kết nối cho các hoạt động giáo dục.

- Đa dạng hóa các hình thức dạy học; ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường và cộng đồng.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học đối với học sinh; động viên học sinh tích cực tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo trẻ.

- Kết hợp khai thác không gian trường học kết nối trong việc giao việc và hướng dẫn học sinh ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm theo dõi và hỗ trợ học sinh trong việc tham gia không gian sinh hoạt của lớp; phối hợp với giáo viên bộ môn để hỗ trợ học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Xây dựng và sử dụng tủ sách lớp học, phát triển văn hóa đọc. Xây dựng câu lạc bộ khoa học, ngoại ngữ trong nhà trường.

- Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học. Quan tâm đến các tài liệu Lịch sử Đảng bộ huyện Cô Tô, Di tích lịch sử trên đảo như: trận đánh của Đại đội Ký con trên đảo Cô Tô; Khuôn viên tượng đài Bác hồ.

2.2.2. Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Tăng cường chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

- Kế hoạch kiểm tra đánh giá của các tổ nhóm chuyên môn phải được lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Nội dung, thời gian, hình thức, cấu trúc các bài kiểm tra viết thường xuyên, định kì phải được thống nhất trong mỗi khối lớp, đảm bảo công bằng trong kiểm tra đánh giá. Tránh tập trung nhiều bài kiểm tra viết các môn trong khoảng thời gian ngắn gây căng thẳng cho học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra định kì theo ma trận và bản đặc tả, viết câu hỏi phục vụ ma trận đề theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết; Thông; Vận dụng và Vận dụng cao.

- Kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra định kì.

- Tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

- Chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng "Trường học kết nối" về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thành lập tổ Khảo thí và xây dựng ngân hàng đề trong nhà trường. Tổ chức kiểm tra chung đối với các bài kiểm tra định kì của một số môn học.

- Công khai thời điểm kiểm tra đối với học sinh.

3. Nhóm giải pháp thứ ba: phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

3.1. Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Phát huy khả năng tự bồi dưỡng, bồi dưỡng thường xuyên. Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, ngoại ngữ, tin học, áp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong đó có đổi mới chương trình, sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Bồi dưỡng giáo viên gắn với việc bố trí, sử dụng có hiệu quả trong nhà trường.

Chỉ tiêu cụ thể:

Chỉ tiêu về số lượng

Năm học	Số lớp	Số giáo viên	Số nhân viên	Ghi chú
2024 - 2025	9	20	04	
2025 - 2026	9	20	04	
2026 - 2027	9	20	05	
2027 - 2028	9	20	05	
2028 - 2029	9	20	05	
2029 - 2030	10	22	05	

Chỉ tiêu giáo viên theo trình độ đào tạo:

Năm học	Tổng số Giáo viên	Trình độ đào tạo			Hình thức đào tạo		
		Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Chính quy	Tại chức	Cử tuyển
2024 - 2025	19	0	17	02			
2025 - 2026	19	0	17	02			

2026 - 2027	20	0	17	03			
2027 - 2028	20	0	17	03			
2028 - 2029	20	0	17	03			

Chỉ tiêu chất lượng và trình độ đội ngũ giáo viên:

Năm học	Số lượng	Đánh giá xếp loại chuyên môn			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu
2024 - 2025	19	10	9	0	0
2025 - 2026	19	10	9	0	0
2026 - 2027	20	12	8	0	0
2027 - 2028	20	12	8	0	0
2028 - 2029	20	15	5	0	0

Chỉ tiêu sự phát triển của đội ngũ cán bộ, giáo viên

Năm học	SL	Nữ	Đảng viên	Đoàn viên	GVG Tỉnh	GVG CS	CSTD CS	LĐTT	Dưới 30 tuổi	Trên 30 tuổi
2024 - 2025	21	10	19	0	2	12	4	21	1	21
2025 - 2026	21	10	20	1	2	12	4	21	1	21
2026 - 2027	22	11	20	1	2	15	4	22	0	22
2027 - 2028	22	11	21	0	4	15	4	22	0	22
2028 - 2029	22	11	21	0	4	17	4	22	0	22

3.2. Nội dung thực hiện

a. Nâng cao nhận thức của CB, GV, NV nhà trường

- Đẩy mạnh các nội dung tuyên truyền, giáo dục trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ công đoàn nhằm nâng cao nhận thức, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của mỗi cán bộ, giáo viên. Xây dựng phong cách giáo viên của nhà trường: Thầy cô đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ, kỉ cương, sáng tạo.

- CB, GV, NV nhà trường phải thấy được những ưu điểm của việc đổi mới, tích cực tham gia vào quá trình đổi mới và chuẩn bị sẵn tâm thế cho việc thay đổi chương trình, đổi mới SGK THPT đối với lớp 10 bắt đầu từ năm học 2022-2023.

- Đa dạng hóa cách tiếp cận thông tin cần tuyên truyền, thông báo tới cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- CB, GV, NV biết tuyên truyền vận động gia đình, người thân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Biết lan tỏa cho đồng nghiệp biết lấy nhân cách của mình ra để dạy trò. Biết cách nhận biết và phòng tránh vi phạm pháp luật đặc biệt là chất gây nghiện và sử dụng mạng internet an toàn.

b. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

- Căn cứ theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm triển khai các hoạt động bồi dưỡng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức; năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; bồi dưỡng năng lực quản lý đối với đội ngũ lãnh đạo tổ, nhóm chuyên môn... với các nội dung cụ thể đáp ứng yêu cầu đổi mới của từng năm học.

- Tăng cường các hình thức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy học và quản lý qua trang mạng "Trường học kết nối". Thực hiện đa dạng hóa, kết hợp một cách hiệu quả các hình thức bồi dưỡng: Bồi dưỡng thông qua dự giờ, thao giảng, sinh hoạt chuyên đề; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để giáo viên có nhiều điều kiện giao lưu, học hỏi; tăng cường các hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm; tăng cường hoạt động tự học, tự bồi dưỡng đối với mỗi cán bộ, giáo viên.

+ Tổ chức cho giáo viên giao lưu gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm với các nhà giáo có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, trong đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi, trong công tác chủ nhiệm lớp, trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chức chuyên đề tại trường có mời các đồng chí giáo viên cốt cán trường bạn tham gia và tham gia các chuyên đề.

+ Tổ chức thi GVDG cấp trường, động viên giáo viên tham gia các cuộc thi GVDG các cấp.

- Triển khai nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm theo quy định.

- Cử giáo viên tham gia đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, quản lý do Bộ, Sở tổ chức. Giới thiệu giáo viên giỏi tham gia cốt cán môn học với Sở GD&ĐT Quảng Ninh.

- Tiếp tục chuẩn bị, tạo điều kiện, động viên giáo viên tham gia các khóa học có thể, để đủ điều kiện dạy các môn Công nghệ; Mỹ Thuật; Âm nhạc; Ngoại ngữ 2.

- Nghiên cứu viết sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học để phục vụ giảng dạy và học tập. Mỗi CB, GV, NV nhà trường có ít nhất 01 SKKN trong năm học, đăng kí nội dung từ đầu các năm học.

- Tăng cường khả năng khai thác nguồn tài liệu, học liệu mở trên mạng internet, ứng dụng hiệu quả hơn nữa CNTT vào giảng dạy.

c. Thu hút giáo viên giỏi

- Thường xuyên rà soát tình hình đội ngũ giáo viên, xây dựng kế hoạch để bổ sung biên chế, đảm bảo đủ về số lượng, hợp lí về cơ cấu giáo viên theo từng bộ môn. Thu hút những giáo viên trẻ có kết quả học tập tốt, tâm huyết với nghề.

- Tạo điều kiện để giáo viên trẻ nâng cao trình độ, tạo môi trường thuận lợi để giáo viên trẻ có cơ hội thử sức và bộc lộ khả năng chuyên môn, nghiệp vụ.

d. Phát huy hiệu quả vai trò của tổ, nhóm chuyên môn

- Tăng cường hiệu quả của kế hoạch tổ, nhóm chuyên môn. Cụ thể hóa được các mục tiêu phát triển của nhà trường thành nhiệm vụ cụ thể của tổ, nhóm.

- Phát huy sức mạnh tập thể trong việc xây dựng, biên soạn nội dung chương trình, các kế hoạch chuyên môn, kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm chuyên môn cho phù hợp và có tính khả thi cao.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; thực hiện có hiệu quả Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 và công văn số 141/BGDĐT-GDTrH ngày 12/01/2015 của Bộ GDĐT trong tổ chức sinh hoạt chuyên môn dựa trên “nghiên cứu bài học”. Tăng cường nội dung chuyên môn sâu trong các buổi sinh hoạt nhóm, tổ chuyên môn. Thực hiện các chuyên đề theo nhóm giáo viên với chủ đề là các phần kiến thức khó khai thác, các đề thi học sinh giỏi các cấp, trong và ngoài Tỉnh.

- Tăng cường việc dự giờ, trao đổi, góp ý lẫn nhau trong tổ, nhóm chuyên môn.

e. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện của nhà trường về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ Ngoại ngữ, Tin học, sử dụng và khai thác thiết bị dạy học hiện đại... để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Khuyến khích, động viên CB, GV nhà trường chủ động học tập, nâng cao trình độ Ngoại ngữ, Tin học để nâng cao nhận thức và tăng tính hiệu quả trong việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục, trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Cử CB, GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng Ngoại ngữ, Tin học theo kế hoạch.

- Mở các lớp bồi dưỡng sử dụng CNTT cơ bản cho CB, GV, NV nhà trường; các lớp tập huấn, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường sử dụng thiết bị dạy học hiện đại.

- Nghiên cứu, học tập và từng bước sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học tích cực trong các giờ lên lớp, các hoạt động giáo dục học sinh.

4. Nhóm giải pháp thứ tư: nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh

4.1. Mục tiêu

- Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước, phòng chống bạo lực học đường và phòng chống xâm hại trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh.

- Xây dựng một tập thể học sinh đoàn kết, nhất trí, đồng tình và ủng hộ các chủ trương, đường lối phát triển nhà trường.

- Duy trì nề nếp học tập chăm chỉ, thái độ lễ phép của học sinh. Tăng cường khả năng chủ động học tập của học sinh.

- Kết nạp Đảng cho học sinh đủ 18 tuổi khi có Lịch sử chính trị đảm bảo, Hạnh kiểm tốt là học sinh giỏi văn hóa Cấp tỉnh.

4.2. Nội dung thực hiện

a. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh và của ngành Giáo dục cho học sinh nhà trường dưới nhiều hình thức sinh động, làm cho học sinh dễ nhớ, dễ tiếp nhận.

- Phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể, đơn vị trong Huyện như Huyện đoàn Cô Tô, Huyện đội Cô Tô, Công an Cô Tô, viện kiểm sát, Tòa án, Phòng Tư pháp; Trung tâm Truyền thông và Văn hóa ... để tuyên truyền phổ biến pháp luật cho học sinh nhà trường (Luật giao thông, Luật an ninh mạng, Luật nghĩa vụ quân sự, ...) để học sinh biết cách phòng tránh vi phạm pháp luật đặc biệt là chất gây nghiện và sử dụng mạng an toàn, hướng tới xây dựng một môi trường lành mạnh, thân thiện và văn minh trong nhà trường.

Tăng cường công tác nắm bắt tình hình tư tưởng của học sinh. Quan tâm, đối thoại với học sinh để khuyến khích, động viên học sinh mạnh dạn bộc lộ suy nghĩ, trình bày quan điểm về các hoạt động giáo dục của nhà trường, về văn hóa ứng xử giữa thầy cô giáo với học sinh, giữa học sinh với học sinh.

b. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền giáo dục đạo đức thông qua những hoạt động vui tươi, hợp lứa tuổi, dễ tiếp cận với học sinh.

- Tăng cường kỷ cương, nề nếp, dân chủ trong trường học, tạo môi trường để học sinh tự rèn luyện, phấn đấu.

- Tiếp tục triển khai các nội dung xây dựng Trường học thân thiện - Học sinh tích cực thiết thực, chất lượng, hiệu quả trong các nhà trường. Đẩy mạnh việc chăm sóc, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ huyện Cô Tô, chăm sóc hệ thống cây bóng mát trong nhà trường, vệ sinh khu vực bãi biển Tình yêu...

- Tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, trải nghiệm sáng tạo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh; tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới.

- Xây dựng và phát huy hiệu quả các phòng đọc, tủ sách lớp học... nhằm tạo điều kiện cho học sinh đọc sách, say mê, yêu quý sách.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa bộ môn để học sinh tham gia, bước đầu xây dựng khả năng tìm tòi, nghiên cứu khoa học. Động viên, khích lệ và hỗ trợ học sinh tham gia các cuộc thi tìm hiểu, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thi sáng tạo trẻ... giúp các em tăng cường tích lũy vốn tri thức và tự tin hơn trong học tập và rèn luyện.

- Tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường như câu lạc bộ bộ môn, câu lạc bộ thể thao, câu lạc bộ STEM ... để thu hút sự hoạt động của học sinh. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi Tiếng Anh, Tin học để nâng cao khả năng tự học của học sinh.

- Tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.

Tăng cường công tác tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh.

c. Xây dựng nề nếp, phong cách học tập của học sinh

- Củng cố, ban hành Quy tắc ứng xử trong trường học nhằm xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện. Khơi dậy niềm tự hào là học sinh trường THPT Cô Tô, tăng khả năng tự học, chủ động tìm tòi kiến thức.

- Tổ chức học sinh gặp gỡ với những tấm gương học sinh tiêu biểu hàng năm có thành tích cao trong học tập, rèn luyện, các kỳ thi... từ đó làm động lực cho học sinh nhà trường.

- Làm tốt công tác quản lý, tuyên truyền giáo dục và phối hợp ngăn chặn hiệu quả tình trạng học sinh mâu thuẫn với nhau ở trong và ngoài trường học. Chỉ đạo từng lớp học chủ động đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo xây dựng lớp học an toàn, phòng chống bạo lực.

- Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm, động viên học sinh, giữ vững nề nếp lớp học, xây dựng một tập thể lớp đoàn kết, gắn bó, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Quan tâm đặc biệt đến những học sinh ở xã Thanh Lân để các em tham gia tất cả các hoạt động của lớp như các học sinh khác.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về đời sống vật chất, tình cảm của gia đình học sinh. Quan tâm đến những học sinh có đặc biệt về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh sống.... Cùng với các Đoàn thể quan tâm, động viên những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng phong cách học sinh trường THPT Cô Tô: Tự tin - Trung thực - Nhân ái và có trách nhiệm.

5. Nhóm giải pháp thứ năm: đổi mới công tác quản lý trong nhà trường

5.1. Mục tiêu

- Đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục trong nhà trường.

- Cùng cố vững chắc chất lượng giáo dục của nhà trường, nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đồng thời tăng tính hiệu quả trong công việc.

- Xây dựng sự thống nhất ý chí, sự đoàn kết, phối hợp công tác nhịp nhàng giữa các Đoàn thể, bộ phận trong nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc công tác tài chính. Đảm bảo chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường theo các văn bản của Nhà nước đã ban hành.

- Không để xảy ra các sai phạm trong công tác quản lý, trong dạy học và giáo dục... tăng cường công tác kiểm tra trong nhà trường.

5.2. Nội dung thực hiện

a. Xây dựng mối quan hệ thống nhất trong Ban giám hiệu và các Đoàn thể dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng

- Cấp ủy chi bộ chỉ đạo toàn diện, thống nhất bám sát các mục tiêu phát triển theo nghị quyết.

- Ban giám hiệu, Công Đoàn, Đoàn TN, Hội LHTN đảm bảo tính thống nhất trong việc xác định mục tiêu. Phối hợp nhịp nhàng và phát huy vai trò là đầu mối quan trọng của nhà trường, kết nối với các đơn vị chỉ đạo ngành dọc để thực hiện các nhiệm vụ phát triển của ngành và địa phương.

- Tổ chức giao ban hàng tháng giữa BGH và đại diện các Đoàn thể, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm để đánh giá kết quả thực hiện và triển khai kế hoạch.

b. Phát huy tính dân chủ, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ giáo viên

- Nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của CB, GV, NV đối với chất lượng giáo dục của nhà trường, tạo sự đồng thuận, duy trì sự đoàn kết trong tập thể.

- Tăng cường việc phân cấp quản lý, giao quyền chủ động quyết định cho cán bộ, giáo viên khi được phân công nhiệm vụ, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và dân chủ trong thực hiện kế hoạch.

- Bố trí lịch họp, giao ban hợp lý, thường kỳ để cùng trao đổi, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và triển khai công việc.

- Tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên phát huy được năng lực, sở trường khi nhận nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên tạo điều kiện để cán bộ giáo viên nhân viên có dịp để gặp gỡ, trao đổi chuyên môn và các ý kiến khác nhằm tăng cường tính tương tác giữa tập thể và mỗi cá nhân.

- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi, chế độ cho CB, GV, NV, tạo cơ hội để tập thể giáo viên chia sẻ khó khăn, cùng phát triển.

c. Tổ chức, sắp xếp công việc hiệu quả, chuyên nghiệp, khoa học của hệ thống quản lý, điều hành

- Thực hiện sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trong nhà trường theo tinh thần tinh giản, hiệu quả, ổn định bền vững.

- Ban giám hiệu nhà trường đảm nhiệm toàn bộ việc quản lý, điều hành, sắp xếp kế hoạch, theo dõi quá trình thực hiện và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ các bộ phận và của giáo viên.

- Các tổ/nhóm trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện trong tổ nhóm có sự phê duyệt của ban giám hiệu nhà trường và chịu trách nhiệm trước ban giám hiệu nhà trường về các hoạt động của tổ/nhóm mình.

- Tăng cường việc quản lý nề nếp, giám sát việc thực hiện giờ ra, vào lớp, thời khóa biểu của giáo viên thông qua bộ phận trực ban làm căn cứ xếp thi đua cuối tháng và cuối kỳ; Thư ký hội đồng giáo dục nhà trường tổng hợp, báo cáo với Ban giám hiệu về kết quả hoạt động theo tháng.

- Chuyên môn hóa việc tổ chức các kì thi, các kì kiểm tra. Thành lập tổ khảo thí để tăng cường sự chuyên nghiệp trong việc xây dựng, sử dụng và quản lý ngân hàng đề cũng như tổ chức các kì thi, kiểm tra.

- Khai thác ứng dụng hiệu quả CNTT cho công tác quản lý chung, quản lý việc dạy và học, quản lý cơ sở vật chất, TBDH, lưu trữ hồ sơ.

- Chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tăng cường sử dụng phần mềm máy tính trong việc quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên, quản

lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khoá biểu, quản lý thư viện trường học.

d. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường

- Lập kế hoạch kiểm tra nội bộ khoa học và có tính khả thi. Kết hợp hài hòa các hình thức kiểm tra và nội dung kiểm tra cho phù hợp theo từng năm học. Sau khi kiểm tra cần nghiêm túc rút ra bài học kinh nghiệm để điều chỉnh quá trình quản lý nhà trường.

- Lựa chọn những giáo viên có năng lực trình độ, nghiệp vụ sư phạm tốt và có uy tín trong tập thể nhà trường để tham gia Ban kiểm tra nội bộ. Trong kiểm tra hoạt động sư phạm cần đánh giá đúng thực chất giáo viên theo đúng các văn bản hướng dẫn góp phần nắm vững chất lượng đội ngũ, phân loại giáo viên sát thực, ngăn ngừa những biểu hiện vi phạm quy chế chuyên môn và có những điều chỉnh kịp thời.

- Phát huy vai trò của Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát các hoạt động của nhà trường đảm bảo dân chủ, minh bạch.

- Kiểm tra đột xuất giờ dạy qua hình thức dự giờ, kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học.

- Nâng cao chất lượng quản lý hồ sơ sổ sách. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng; đồng thời tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm tra, đánh giá của tổ, nhóm chuyên môn.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm, Không để tình trạng dạy thêm, học thêm sai quy định, thực hiện nghiêm các qui định về quản lý dạy thêm học thêm.

- Kiên quyết xử lý bằng nhiều hình thức tùy mức độ vi phạm sau kiểm tra, tuyên dương khen thưởng động viên kịp thời các cá nhân và tập thể thực hiện tốt nhiệm vụ.

e. Quản lý chặt chẽ tài chính, đảm bảo quyền lợi của giáo viên và học sinh

- Xây dựng cơ chế thu chi hợp lý và thực hiện tốt việc công khai, minh bạch. Thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ, yêu cầu của cơ quan quản lý.

- Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách hiệu quả, đúng qui định và nguyên tắc tài chính. Kết hợp với các nguồn kinh phí huy động từ công tác xã hội hóa giáo dục để bổ sung, tăng cường kịp thời cơ sở vật chất.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ sổ sách trong quản lý tài chính, tài sản đúng qui định của nhà nước. Thực hiện việc tự kiểm kê tài chính, tài sản đúng qui định, đúng thời gian.

- Xây dựng và thực hiện qui chế chi tiêu nội bộ bảo đảm tính dân chủ, minh bạch, công khai trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả. Quan tâm phần tài chính hợp lý để hỗ trợ phục vụ cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Sắp xếp lao động hợp lý theo từng vị trí việc làm để hạn chế tối đa việc phải chi trả từ ngân sách cho diện lao động hợp đồng ngắn hạn, thừa giờ, tiết kiệm chi trong ngân sách để có thêm phần hỗ trợ cho CBGV, NV.

- Thực hiện việc công khai chất lượng giáo dục và sự giám sát của xã hội với chất lượng, hiệu quả giáo dục và việc thực hiện các quy định về dạy thêm học thêm, quy chế công khai, quy định về xã hội hóa, tiêu chuẩn đánh giá học sinh.

- Tổ chức hiệu quả việc dạy thêm học thêm trong nhà trường theo đúng qui định để bồi dưỡng kiến thức cho học sinh vừa đáp ứng nguyện vọng học tập của HS, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của giáo viên đồng thời góp phần tăng thêm thu nhập chính đáng cho CBGV bằng chính năng lực chuyên môn của mình.

- Đảm bảo quyền lợi và chăm lo đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tạo động lực tối đa để các cá nhân cống hiến.

6. Nhóm giải pháp thứ sáu: bổ sung, quản lý hiệu quả việc khai thác, sử dụng CSVC-TBDH

6.1. Mục tiêu

- Bổ sung hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu.
- Hệ thống hóa các TBDH theo từng khối lớp, môn học.
- Tăng cường việc quản lý, giám sát việc khai thác hiệu quả phục vụ giảng dạy và học tập.

6.2. Nội dung thực hiện

a. Bổ sung và khai thác CSVC, trang thiết bị cho công tác quản lý

- Đẩy mạnh việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu, tiếp nhận công văn chỉ đạo và văn bản điều hành qua hệ thống thư điện tử.

- Triển khai và trao đổi thông tin giữa nhà trường và giáo viên, học sinh qua hệ thống mạng internet để tiết kiệm chi phí và thời gian.

- Triển khai việc chấm bài trắc nghiệm, xử lý, tính toán điểm kiểm tra của học sinh bằng phần mềm.

b. Tăng cường việc xây dựng và khai thác CSVC-TBDH cho hoạt động giảng dạy và học tập

- Khai thác tối đa các CSVC-TBDH đã được trang bị trong quá trình dạy học.
- Tổ chức các chuyên đề cấp trường có nội dung nhằm nâng cao khả năng khai thác TBDH ở các môn học.
- Chỉ đạo và phân công cho các đoàn thể phối hợp tổ chức các cuộc thi thiết kế, làm đồ dùng dạy học, thực hành thí nghiệm đối với giáo viên và học sinh.
- Tăng cường việc giám sát để kịp thời hỗ trợ giáo viên trong quá trình khai thác TBDH.

- Tổ chuyên môn cùng với nhân viên phụ trách phòng học bộ môn thống kê và rà soát thường kỳ các thiết bị của bộ môn mình về các bài thực hành, thí nghiệm, tranh ảnh, đồ dùng dạy học của bộ môn. Tăng cường công tác quản lý các phòng học bộ môn (Lý, Hoá, Sinh, Tin học, ngoại ngữ...), tổ chức các giờ học thí nghiệm thực hành đạt kết quả. Bổ sung và nâng cao chất lượng phòng truyền thống nhà trường đáp ứng yêu cầu phục vụ có hiệu quả cho giáo viên và học sinh.

- Nâng cao kỹ năng sử dụng, khai thác thiết bị công nghệ, các phần mềm dạy học và soạn giảng (*Trình độ tin học, sử dụng máy chiếu, khai thác tài nguyên mạng, lắp ráp, tiến hành thí nghiệm...*)

- Hưởng ứng phong trào thiết kế, tự làm TBDH để bổ sung cho những thiết bị còn thiếu hoặc chưa tối ưu trong giảng dạy.

- Các khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo luôn sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi.

- Xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c. Xây dựng và khai thác thư viện trường, xây dựng thư viện điện tử

- Tuyên truyền và khuyến khích học sinh tự đọc, tự tìm hiểu và tham khảo tài liệu bổ trợ cho các môn học và tài liệu nâng cao kiến thức toàn diện.

- Giáo viên bộ môn cập nhật và giới thiệu những tài liệu, sách, báo ở thư viện liên quan với kiến thức bài học tới học sinh ở các lớp.

- Ứng dụng một số phương pháp dạy học hiện đại, tổ chức học sinh theo nhóm hoàn thành các bài tập lớn, chủ động tìm hiểu kiến thức dựa trên các tài liệu, sách tham khảo có sẵn ở thư viện trường.

- Tổ chức giới thiệu các cuốn sách, các tác phẩm văn hóa hay qua các buổi sinh hoạt tập thể hàng tuần, hệ thống phát thanh và bảng tin để học sinh tìm hiểu.

- Nghiên cứu, triển khai hệ thống thư viện điện tử phục vụ nhu cầu học tập và giảng dạy của nhà trường từ năm học 2024 - 2025.

d. Quản lý chặt chẽ, bổ sung và sửa chữa kịp thời CSVC

- Nhân viên quản lý thiết bị theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng và bảo quản CSVC-TBDH của giáo viên và học sinh.

- Đánh mã số cho các loại thiết bị (tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng thí nghiệm...) để thuận tiện cho việc sắp xếp, mượn-trả và quản lý.

- Bổ sung, sửa chữa TBDH bị hỏng, Bổ sung, sửa chữa máy vi tính phòng Tin học để tiến hành kiểm tra kết quả học tập học sinh trên máy với một số môn học.

7. Nhóm giải pháp thứ bảy: thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, khuyến khích giáo viên và học sinh

7.1. Mục tiêu

- Triển khai mạnh mẽ các phong trào thi đua trong nhà trường, làm động lực để các tập thể và cá nhân thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ.

- Động viên khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động.

- Huy động các nguồn lực để động viên, khích lệ các đồng chí giáo viên, các em học sinh đạt thành tích cao, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

7.2. Nội dung thực hiện

a. Công tác thi đua, khen thưởng đối với giáo viên

- Xây dựng qui chế thi đua khen thưởng trong nhà trường một cách cụ thể, có tính khả thi, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn bình xét thi đua theo từng tháng một cách nghiêm túc, gửi kết quả về ban thi đua nhà trường để làm căn cứ xét thi đua học kì, cuối năm học.

- Nhà trường phối hợp với Công đoàn xây dựng kế hoạch thi đua trong năm học theo các chủ đề, theo sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo một cách cụ thể, rõ ràng.

- Hưởng ứng các phong trào thi đua của ngành, của các đoàn thể có hiệu quả.

- Phát huy hơn nữa tính kế hoạch trong việc đăng ký, viết và thẩm định đề tài sáng kiến kinh nghiệm các cấp.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng xứng đáng cho những giáo viên có thành tích cao, đặc biệt là trong các hoạt động hướng dẫn học sinh tham gia dự thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật, cuộc thi sáng tạo trẻ, trong công tác ôn luyện và bồi dưỡng học sinh giỏi, thi GVĐG các cấp...

- Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng đúng quy định, tập chung và giáo viên có giải HSG văn hóa; giáo viên có kết quả thi tốt nghiệp vượt nhiều bậc so với năm trước.

- Đảm bảo tính công bằng, khách quan trong việc đánh giá và khen thưởng.

b. Khuyến khích, tăng cường động lực học tập đối với học sinh

- Xây dựng qui chế thi đua khen thưởng đối với học sinh phù hợp, có tính khích lệ, động viên trong các hoạt động.

- Nâng cao chất lượng và giám sát chặt chẽ phong trào thi đua giữa các lớp. Hàng tuần, nêu tấm gương học sinh tiêu biểu.

- Trao thưởng cho học sinh đạt danh hiệu học sinh Tiến tiến, học sinh Giỏi các cấp, học sinh đạt giải trong các kỳ thi VHVN- TDTT...

- Xây dựng một cơ chế hỗ trợ cho những học sinh nghèo có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện.

8. Nhóm giải pháp thứ tám: tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục

8.1. Mục tiêu

- Có sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội hiệu quả, đặc biệt là về nhận thức, thống nhất những biện pháp giáo dục học sinh với nhà trường.

- Nâng cao chất lượng học sinh đầu vào. Định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT, góp phần đáp ứng nhu cầu tuyển sinh tại chỗ của các trường CĐ, ĐH trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tạo nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương là du lịch và nghề biển.

- Phối hợp, liên kết nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Khai thác cơ sở vật chất, TBDH trong việc giảng dạy và bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Tăng cường tuyên truyền, huy động mọi nguồn lực tham gia vào hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng trường lớp, đầu tư trang thiết bị.

8.2. Nội dung thực hiện

a. Phối hợp với CMHS và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ban đại diện CMHS và nhà trường trong thông tin giáo dục, quản lý học sinh, khen thưởng và xử lý kỉ luật học sinh; Đổi mới công tác phối hợp với cha mẹ học sinh để định hướng tư vấn nghề nghiệp, phân luồng cho học sinh THPT.

- Mỗi năm học, có kế hoạch tổ chức Hội nghị giáo dục triển khai việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh.

b. Phối hợp với phòng GD&ĐT Cô Tô, các trường THCS trên địa bàn thực hiện tốt việc phân luồng, nâng cao chất lượng học sinh đầu vào, chất lượng mũi nhọn.

- Phối hợp chặt chẽ với phòng GD&ĐT Cô Tô, các trường THCS trên địa bàn, để nâng cao chất lượng đại trà, nâng cao chất lượng tuyển sinh lớp 10 thông qua các hoạt động giáo dục kết hợp như tổ chức các cuộc thi hoặc thông qua các cuộc thi do Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT tổ chức để phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

- Cùng định hướng, phân luồng tư vấn học sinh sau khi tốt nghiệp THCS để tăng chất lượng thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh lớp 10. Định hướng cho các em có học lực trung bình và có nhu cầu đăng ký học nghề tại Trung tâm GDNN&GDTX huyện

- Kết hợp cùng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương vùng biển đảo

c. Tăng cường mối quan hệ với các trường THPT trong Tỉnh

Tăng cường mối quan hệ với các trường THPT có thành tích cao, có cán bộ cốt cán trong từng lĩnh vực trong Tỉnh để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên.

d. Xã hội hóa nâng cao chất lượng CSVS, TBDH, chất lượng đội ngũ và bồi dưỡng học sinh

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xã hội hóa giáo dục, xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội trong việc tham gia hoạt động giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động, phong trào tạo động lực trong việc huy động tiềm năng của cộng đồng để phát triển giáo dục.

- Huy động sự đóng góp về tài chính, vật lực của các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, các nhà tài trợ để góp phần vào việc nâng cao chất lượng dạy và học.

8. Nhóm giải pháp thứ chín: Thực hiện tốt nội dung Chuyển đổi số ở Trường THPT Cô Tô

8.1. Mục tiêu

+ Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

+ Phát triển xã hội số trong giáo dục

+ Xây dựng trường học số

* *Chuyển đổi số trong dạy và học*

* *Chuyển đổi số trong quản trị trường học*

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu

+ Phát triển nhân lực số

8.2. Nội dung thực hiện

+ Thực hiện Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu Ngành giáo dục.

+ Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, dạy và học; xây dựng học liệu số; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng tỉ trọng dạy học trực tuyến theo mục tiêu; triển khai dạy học và quản lý nhà trường trên nền tảng số.

+ Triển khai chữ ký số đối với giáo viên và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường.

PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ cấu tổ chức

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược, Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm theo dõi, điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược từng giai đoạn sao cho sát với tình hình thực tế của nhà trường, ngành giáo dục, địa phương.

2. Chỉ đạo thực hiện

a) Phổ biến kế hoạch chiến lược:

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, CMHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường, để kế hoạch chiến lược của nhà trường trở thành kế hoạch chiến lược của từng cá nhân, tổ chức đơn vị trong nhà trường với mục tiêu chiến lược và giải pháp chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn.

b) Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược:

- Giai đoạn 1:

Năm 2024-2026: Phổ biến lấy ý kiến đóng góp, hoàn thành và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, tập trung đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện 30% kế hoạch chiến lược. Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

- Giai đoạn 2:

Năm 2026-2028: Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược cho phù hợp với yêu cầu mới. Tập trung bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Thực hiện 60% kế hoạch chiến lược, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia.

- Giai đoạn 3:

Năm 2028-2029: Đẩy mạnh các hoạt động đã được đề ra trong kế hoạch, nâng cao chất lượng giáo dục. Thu thập thông tin, kiểm tra đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm về việc thực hiện 100% kế hoạch chiến lược.

Hoàn tất thực hiện kế hoạch chiến lược còn lại.

3. Phân công trách nhiệm thực hiện chiến lược

Đơn vị chủ trì thực hiện chiến lược: Trường THPT Cô Tô. Trong đó, phân công trách nhiệm đối với các thành viên như sau:

3.1. Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm chung trong việc triển khai đề án, đồng thời chịu trách nhiệm cụ thể hoá chiến lược phát triển của nhà trường trong kế hoạch từng năm học, chỉ đạo thực hiện và tạo nguồn lực cho việc triển khai hiệu quả các kế hoạch cụ thể, tuyển dụng và bố trí nguồn nhân lực...

- Đề xuất với Sở GD&ĐT các nội dung liên quan đến vấn đề tài chính, tuyển dụng, tiếp nhận GV,...

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án (gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn trường, các Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng) để xây dựng các kế hoạch cụ thể cho từng nội dung của Đề án và giám sát thực hiện Đề án. Ban Chỉ đạo tổ chức họp sơ kết, tổng kết đánh giá tiến độ, hiệu quả thực hiện từng nội dung cụ thể của đề án; nghiên cứu, điều chỉnh các nội dung cho phù hợp (nếu cần thiết).

3.2. Phó hiệu trưởng

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng nội dung cụ thể của Đề án. Đồng thời, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất các giải pháp thực hiện.

- Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, tiến hành rà soát các kết quả đạt được so với mục tiêu của Đề án để tiếp tục có biện pháp triển khai phù hợp, tham mưu, đề xuất các nội dung phải điều chỉnh (nếu cần thiết).

3.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Phát huy năng lực của cá nhân, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định; luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu tổ chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ.

- Kịp thời tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục; kiện toàn đội ngũ giáo viên của tổ đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; quy hoạch, cử GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổ chức và tham gia công tác bồi dưỡng cho GV trong tổ; kèm cặp, hướng dẫn, giúp đỡ GV trong công tác tự bồi dưỡng.

- Giúp hiệu trưởng nhà trường thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên.

3.4. Giáo viên

- Cố gắng phát huy năng lực của bản thân, nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, luôn định hướng hoàn thiện bản thân để xây dựng phong cách giáo viên trường THPT Cô Tô “Đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ, kỉ cương, sáng tạo”, từ đó hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt việc tự đánh giá theo chuẩn GV để từ đó xây dựng và thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, phát triển các năng lực nghề nghiệp, đáp ứng mục tiêu đề ra về chất lượng đội ngũ giáo viên.

- Cố gắng, tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chủ động, tích cực tham gia các phong trào thi đua, tham gia hội thi GV dạy giỏi các cấp, đăng kí và phấn đấu đạt được các danh hiệu thi đua.

3.5. Bộ phận Văn phòng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, chú trọng các biện pháp để khắc phục các tồn tại; phối hợp và tổ chức phân công cán bộ nhân viên; sử dụng các phương tiện, thiết bị cho khâu quản lý hồ sơ, sổ sách, sách giáo khoa hợp lý, khoa học;

kiểm tra đánh giá xếp loại, rút kinh nghiệm từng bộ phận kịp thời, chính xác, kịp tiến độ công việc chung của trường.

- Tài vụ: Cân đối các nguồn tài chính, tham mưu với Hiệu trưởng lập kế hoạch và huy động kinh phí cho việc thực hiện Đề án.

3.6. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể

Phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên nhà trường để triển khai hiệu quả các nội dung:

- Giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ CBGVNV; vận động CBGVNV nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ.
- Đảm bảo các chế độ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, GV; đề xuất các hình thức khen thưởng kịp thời động viên, khuyến khích CBGVNV.
- Tổ chức các hoạt động tập thể của GV.

3.7. Phối hợp với Ban đại diện CMHS nhà trường

Tuyên truyền vận động các cha mẹ học sinh cùng phối hợp với nhà trường thực hiện nhiệm vụ của đề án và các hoạt động giáo dục học sinh.

IX. ĐỀ XUẤT,

1.1. Đối với UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Quảng Ninh và các Sở, Ban, Ngành liên quan

- Tiếp tục đầu tư kinh phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị dạy học và các công trình đã xuống cấp.
- Tạo điều kiện để trường THPT Cô Tô được trao đổi chuyên môn với các trường THPT trong và ngoài Tỉnh.
- Đầu tư CSVC, thiết bị dạy học hiện đại cho nhà trường; Đầu tư sách và trang thiết bị xây dựng thư viện nhà trường đạt chuẩn, thư viện điện tử góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.2. Đối với Huyện ủy Huyện Cô Tô

- Huyện ủy, UBND Huyện Cô Tô dành sự quan tâm nhiều hơn nữa để xây dựng và phát triển trường THPT Cô Tô thành một cơ sở giáo dục vững mạnh toàn diện.
- Định hướng và chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn thường xuyên trao đổi, phối hợp với trường THPT Cô Tô phát hiện và bồi dưỡng nhân tố học sinh

có năng khiếu, bồi dưỡng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thực hiện tốt các mục tiêu của nhiệm vụ giáo dục.

- Đầu tư xây dựng để hoàn thiện về CSVC cho Nhà trường.

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CÔ TÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Tổ chức, quản lý bộ máy và nhân sự
trường THPT Cô Tô năm học 2023-2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐT THPTCT ngày /08/2023
Của Hội đồng trường trường THPT Cô Tô)*

Căn cứ Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường THPT Cô Tô xây dựng kế hoạch tổ chức bộ máy và nhân sự năm học 2023 - 2024 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự đảm bảo tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với yêu cầu thực tiễn, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các tổ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với việc triển khai nhiệm vụ hiệu quả, đảm bảo tương đối với số lượng viên chức trong các tổ đảm bảo nguyên tắc đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành và thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

- Triển khai thực hiện đúng quy trình, thẩm quyền, tuân thủ các Nghị định của Chính phủ, Kế hoạch của Sở GD&ĐT; có phương án sử dụng nhân sự hiệu quả, khai thác tốt cơ sở vật chất và tài chính, đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động.

II. NỘI DUNG

1. Quy mô trường, lớp

Trường THPT Cô Tô là trường hạng III, năm học 2023-2024 trường gồm có 9 lớp học, với số 248 học sinh chia làm 09 lớp.

Trong đó: + Khối 10: 79 em (3 lớp)

+ Khối 11: 84 em (3 lớp)

+ Khối 12: 85 em (3 lớp)

Đội ngũ giáo viên nhà trường 23 gồm: nhân viên = 3 đ/c; giáo viên = 18 đ/c; lãnh đạo = 2 đ/c; hợp đồng lao công, bảo vệ = 4 người.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học

Trường có diện tích khuôn viên hơn 16.500 m², với diện tích bình quân đạt hơn 78.5 m²/HS (tính theo số HS ở thời điểm tháng 5/2023). Hiện tại trường có 30 phòng làm việc, trong đó: có 9 phòng học; 3 phòng thực hành Sinh; Hóa; Lý – Công nghệ; 01 phòng thư viện; 01 phòng tin học; 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Đoàn đội; 01 Văn phòng; 01 phòng Bảo vệ; 01 phòng Hành chính; 01 phòng Y tế; 02 phòng Chuyên môn; 02 phòng làm việc của BGH; 01 phòng Công đoàn; 01 phòng Kế toán; 01 phòng Thư ký Hội đồng Giáo dục; 01 phòng Truyền thống; 01 phòng Hội đồng, các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường. Ngoài ra, mỗi phòng học còn được trang bị 01 máy chiếu (hiện tại nhà trường có 9 máy chiếu, 9 màn chiếu); phòng tin học được trang bị 25 máy tính được kết nối Internet; 01 phòng Ngoại ngữ được trang bị theo chuẩn gồm 01 máy chiếu, 01 loa + mic; loa treo tường, máy photo, máy in, ampli, micro, loa máy... phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường.

Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất trên đáp ứng cho việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Thiết bị, đồ dùng dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học.

3. Phương án tổ chức bộ máy và nhân sự

(1) Tổ chức bộ máy:

- Cấp ủy chỉ bộ gồm 03 đ/c: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 Chi ủy viên):

- Hội đồng trường gồm 09 người (Theo quyết định số 2008/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026; quyết định số 378/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 đối với các trường trung học phổ thông công lập);

- Lãnh đạo nhà trường: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng;
- Hội đồng thi đua khen thưởng: 17 đồng chí;
- Hội đồng kỷ luật: thành lập theo vụ việc;
- Hội đồng tư vấn;
- Chi bộ đảng 19 đảng viên;
- Công đoàn 23 đồng chí;
- Đoàn trường 141 đoàn viên;
- Tổ chuyên môn: 02 tổ 18 đồng chí;
- Tổ văn phòng: 01 tổ 06 người;
- Lớp học: 09 lớp.

(2) Phương án bố trí nhân sự

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 27, trong đó: Ban lãnh đạo 02 người, giáo viên 18 người (18 viên chức, 00 hợp đồng thỉnh giảng), nhân viên 07 người (viên chức 03, hợp đồng lao động thời vụ 04).

- Thành lập 2 tổ chuyên môn. Trong đó:

+ Tổ Khoa học Tự nhiên : 12 người, gồm các bộ môn: Toán 2 người, Tin học 01 người, Công nghệ 01 người; Sinh học 03 người; Vật lý 02 người; Hóa học 02 người; nhân viên Thiết bị 01 người. Cơ cấu 01 tổ trưởng, 01 tổ phó.

+ Tổ Khoa học Xã hội: 7 người, gồm các bộ môn: Tiếng anh 02 người; Ngữ văn 01 người, Địa lý 01 người, Lịch sử 01 người; Thể dục 01 người, Giáo dục công dân 01 người. Cơ cấu 01 tổ trưởng, 01 tổ phó.

- Tổ Văn phòng: 07 người (viên chức 03), gồm các nhân viên: Kế toán, văn thư, y tế; Thiết bị thí nghiệm; bảo vệ, lao công. Cơ cấu 01 tổ trưởng, 01 tổ phó.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân

(1) Hội đồng trường

Thực hiện theo Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(2) Hội đồng thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo

Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(3) Hội đồng kỷ luật

Thực hiện theo Khoản 2, Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(4) Hội đồng tư vấn

Thực hiện theo Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(5) Tổ chuyên môn

Thực hiện theo Điều 14, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(6) Tổ Văn phòng

Thực hiện theo Điều 15, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(7) Lớp học

Thực hiện theo Điều 16, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(8) Giáo viên, nhân viên

Thực hiện theo Điều 26,27,28,29 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

(9) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng

Thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

III. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

1. Hội đồng trường:

- Phê duyệt kế hoạch: tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch: tuyển sinh, các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.

- Giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa dành cho cơ sở giáo dục, bảo đảm mục tiêu giáo dục, công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Ban lãnh đạo trường có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Các tổ chức, cá nhân nhà trường có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các bộ phận liên quan báo cáo Hiệu trưởng để kịp thời khắc phục giải quyết.
